

ĐẠO LÝ NHÀ PHẬT



ĐẠO LÝ NHÀ PHẬT

Đoàn Trung Còn - 1930

United Buddhist Publisher tái bản: Tháng 9/2022

Bản phục chế từ bản in lần đầu năm 1930

Kỹ thuật vi tính: Nguyễn Minh Tiến

© All rights reserved. No part of this book may be reproduced by any means without prior written permission from the publisher.

ĐOÀN - TRUNG - CỒN

ĐẠO - LÝ NHÀ PHẬT



*Thế sự nhìn xem rồi cuộc cờ,
Càng nhìn càng ngấm lại càng rơi!*

GIÁ . 1500

IN LẦN ĐẦU

Mấy lời nói đầu

Quyển tiểu thuyết « KIẾP ĐOẠN TRƯỜNG » sẽ hiển cho các ngài, gốc của nhà văn-hào Rabindranah Tagore, dịch lại quốc-văn ta vậy.

Muốn chỉ rõ vì sao đạo Phật không được thanh hành ở xứ phát-nguyên là Ấn-độ quốc, muốn đem chủ-nghĩa từ-bi bác-ái, đạo-lý đồng đẳng-cấp, mà sánh với lối duy-kĩ ghét ganh của nhiều đạo khác sang hèn phân biệt tích mù, nên có quyển tiểu-thuyết này là gương phản chiếu trước mắt của các ngài.

Vậy xin độc-giã quang tâm vào sự Hồi-giáo và Bà-la-môn giáo chia phân lạt-lẽo, cho đến uống nước của người khác đạo là một cái tội rất to. Anh em một nước mà đạo-đức khác, tín-ngưỡng khác, chia ìng đảng phái, là gương nước ản-độ dưới quyền của nước Anh vậy.



TÔN-GIÁO TIỂU-THUYẾT

KIỆP ĐOẠN-TRU'ỜNG

Sương sa mù-mịt, gió thổi hắt hiu, vùng trời phẳng lặng. Ngồi mà trông ra, thấy cảnh êm-dềm, khó giải lấp cơn buồn. Tôi bèn mặt áo, trùm đầu, mang hia, xách gậy bước ra ngoài đi dạo cho qua thì giờ lạnh ngắt lúc tàn canh. Cảnh lặng như tờ, trông lên những cụm sương đương bao mẩy đỉnh núi, tuồng như một bức tranh vẽ mà thợ muốn bôi đi để vẽ lại một ít đều ! Trong khi một mình thơ thẩn, vùng nghe tiếng chi nhò nhỏ bên gần, lóng rỏ ra là tiếng đờn-bà. Thật vậy, chớ chi nhâm lúc cảnh trong trời sáng, tôi nào có để tâm đến, nhưng đương cơn gió lạnh cảnh buồn, giọt sương trắng xóa mờng-minh, nên tiếng ấy lọt vào tựa hồ như cái tiếng rên rỉ khóc than của một bầu trời chìm-nổi nơi sông mê bể khổ. Tôi lần đến thấy dạng một cô đương ngồi trên một hòn đá bên đường. Tóc đã dợn phất-phơ trên gương mặt âu-sầu, vì bị nắng táp mưa sa cho nên ra màu đen sạm, còn cái tiếng từ-từ trong tâm-trí diên-khở của cô mà lộ ra ngoài đầu môi thê-thảm làm cho hiểu biết rằng cô đã nề lòng mong-mỏi, nay đã thất vọng rồi, nên cô muốn thở than trong lúc thanh-tĩnh êm-dềm trước cảnh thiên-nhiên hầu cho người được tắt dạ não-nê của kẻ khổ-tâm vậy !

Tôi bèn hỏi thăm rằng : « Cô là ai, vì sao lại tủi phận một mình trên khuôn đường vắng tanh, trong lúc mọi người bây còn an giấc nơi nệm ấm, mền dày..... »

Cô ngước cặp mắt đã-dươi mà nhìn rồi ngó xuống, chớ không trả lời. Tôi thấy vậy lại hỏi luôn rằng : « Chẳng hay cô thấy tôi đến thỉnh linh mà nghi-ngờ sợ-sệt chăng ? »

Cô nghe tôi nói thì thốt rằng : « Thưa ông, đã lâu lắm rồi tôi không còn biết sợ là gì, cũng không còn biết nghi ngờ, e-lệ chi nữa. Thưa ông, tôi nhắc đến thì tôi lại chạnh

nhớ cái tiểu-sử lúc xuân-xanh của tôi đau đớn vô cùng ! Cái khổ là cái chi chi mà mọi người đều mang lấy. Đã sanh ra làm phận đào thơ liễu-yếu, sao lại còn gặp những bước đường trắc trở, những buổi phải lẫn lóc trong cuộc đoạn-trường. Ôi ! Nào xưa kia đắm thắm vui vầy, ngày nay lại một mình thui-thủi quê người chẳng khác hoa trôi bèo dạt !... »

Tôi bèn hỏi rằng :

— Cô có cần dùng đến chi mà tôi giúp được, tôi sẵn lòng ngay, xin cô đừng ngại.

Cô nghe nói châm chỉ ngó, lộ ra cái sắc đẹp, cái cảm-tinh đắm-thắm vô cùng. Cô ra vẻ niềm nở mà đáp rằng :

— Thưa không, tôi cảm ơn ông, tôi chỉ than phiền mà thôi, vì tôi đây, là Công-chúa con ông Hoàng Vương-Lăng ở xứ Bàn-luông, thuộc nước Ấn-độ..... Trời ôi ! cô ấy là con của một ông Hoàng. Thế mà thân cô phải lưu lạc như kẻ khốn-cùn, lang-thang lười-thười nay đầu đường mai góc chợ như vậy à ?

* Tôi bèn vòng tay xá, mà rằng : « Tôi cam lỗi muôn phần, xin nhờ lượng trên tha thứ ! »

Công-Chúa lấy làm đẹp dạ, đưa tay ra ngoắt bảo ngồi trên tảng đá một bên : « Thưa ông, xin ông nghĩ chơn nơi đây mà đàm-đạo với tôi. Ông đã đoái đến tôi thì tôi lấy làm hân-hạnh mà bày tâm-sự cùng ông.... »

Tôi trông cô có vẻ trang-nghiêm, thì tưởng mình là không xứng đáng ngồi một bên cái tảng đá ướt-át rong-rêu kia, nãy thật không muốn đề ý, bây giờ coi nó quý hóa đẹp-xinh chẳng kém ngôi vàng của một vị thiên-tử, nên hãy còn dè dặt mà chưa dám ngồi.

Tôi chầm rãi hỏi rằng :

— Dám thưa Công-nương ! Ai nỡ làm cho Công-nương lại nên nông nổi này ! Tôi thật buồn vì thấy Công-nương chẳng được an nghỉ nơi màn loan trướng phụng, lại phải chịu đoái rét giữa màn trời chiếu đất như vậy ?

Hoa-Lang (tên Công-chúa) đề tay lên trán ra tuồng suy nghĩ, đoạn nhỏ nhẹ mà đáp rằng :



Cái khở là cái chi chi mà mọi người đều mang lấy ...

— Ông ôi ! Ai làm cho thân tôi phải ra nông-nỗi này, thì tôi khó mà đáp cho xuôi. Ông hỏi thế thì tuần như ông muốn bảo tôi chỉ rằng ai làm cho sa-mù bao khuất cả cái núi trước ta đây vậy ! Những điều tai-họa của tôi, tôi xin thú rằng không hiểu nguyên-nhân tại đâu mà ra !

Tôi vừa nghe qua thì muốn phân giải một đôi câu, nhưng nghĩ chẳng nhằm lúc lấy triết-lý ra mà luận-biện nên đành nói xuôi cho hợp ý cô.

— Công-nương phân như thế là phải lắm : Việc họa-phước thật quá minh-mông ; ta là người đời thấp-thỏi, yếu-hèn như cộng sậy cây rơm, trông gì mà dò cho cùn cho tận những lối cao-xa bí-thiết. Hoa-Lang mỉm cười mà rằng :

— Quyền tiểu-thuyết về cái kiếp đoạn-trường của tôi ngày nay nó vừa muốn dứt, nếu ông muốn nghe thì tôi sẵn lòng lượt thuật, may cũng giải bớt nỗi sầu.

Tôi vội vã thưa rằng :

— Tôi được nghe lời Công-nương, tưởng không có chi hữu-hạnh bằng. Xin Công-nương phân đi, tôi ngồi mà hầu...

Hoa-Lang nghỉ giây lát, đoạn thuật cái lịch-sử của mình, dòng thanh tựa hồ như ngọn gió êm lơ thơ lẫn-thần trên một cảnh đồng lúc lúa chín, phớt-phơ như lượng sóng vàng.

Tôi là dòng vua ở thành Đắc-Lý, đã đứng tuần cập kê mà chưa người đem dâng lễ sinh. Muốn có một ông chồng danh cao giá trọng như mình, chẳng phải là một câu chuyện dễ-dàng đâu. Có ông Hoàng Lữ-Năng muốn xin ra mắt, và gấm ghé vào. Ông thân tôi hãy còn dự dự thì giặc loạn nổi lung tung, làm cho dân Ấn-độ thấy đều lâm than... Tôi vừa nghe, vừa ngó cô Hoa-Lang, tiếng có thật êm ái, làm cho tôi trông cô mà tâm trí dường như phưởng phất ra xa, nào là nhớ đến nỗi nợ niềm kia, nào là tưởng tượng những đèn đài bên Mông-cổ cao mấy mươi tầng, những ngựa giỏi đương nhảy nhót giữa chiến trường một cách oai-nghiêm lắm liệt, những viên-quan văn võ đương tung-hô dưới bệ vàng, những áo băng gấm nhiều lụa-hàng thiết-tha lóc-lẹt nơi đô-hội thị-thiền, tuồng

như tranh nhau mà phối những màu đẹp, trắng, hường dưới gương trong của mặt sáng muôn người. Hoa-Lang tiếp chuyện mà rằng :

Thành của chúng tôi gần mé sông Dương-hà, giao cho một tướng Bà-la-môn tên Kiều-hoa-Liêng canh giữ đặng ngăn ngừa những nhữnng cơn bão rồi lúc ban đêm...

Cô Hoa-Lang thốt đến tên Kiều-hoa-Liêng thì tuồng mặt ầu sầu, cô phải ngưng giây phút đặng gượng làm tỉnh táo như thường. Tôi chăm chỉ ngó cô, vô ý sút tay nên cây gậy rớt nằm trên đất.

« Chàng Kiều hoa-Liêng. Ồi ! Chàng Kiều-hoa-Liêng ời ! người bên phái Bà-la-môn ! Chàng giữ đạo một cách sốt sắng hân hoi. Trời vừa rạng-đông, tôi ra trông nơi cửa sổ thì đã thấy chàng dưới bãi sông Dương-hà mà tư-tưởng, mình thì cỗi trần dưới trời lạnh-lẽo, còn mắt thì ngó sững bóng thái-dương sắp từ-từ lộ ra, đặng tủa thêm cái sáng cho những người có tín-ngưỡng cao-xa thành thật. Chàng thường hay ngồi trên một bàn thạch dưới mé sông, quần áo thấm nước ướt đều mà nào chàng có nghĩ đến, cứ lăm thắm khăn vái và niệm kinh cho đến khi trở gót lặn về, thì lại ngâm nga một vài bài phú ca tụng cho đạo mình.

Còn tôi là người theo đạo Hồi hồi, nhưng tôi chưa có diệp nghiên cứu, tôi cũng không biết niệm kinh và cầu khẩn chi cả. Người có tín-ngưỡng về đạo Hồi-hồi, phần đông toàn là những kẻ lêu-lổng chơi-bời, nay trà-dinh mai tửu-diêm, còn đèn thờ lập ra cho lấy có dễ vui say với hầu non gái đẹp. Chớ không còn biết tôn-giáo là chi nữa. Nhưng vậy tôi hằng vọng tưởng đến những sự hiển hích linh thiên, nhưt là khi tôi trông thấy chàng Hoa-Liêng, chào mặt trời sắp mọc và bắt từ trên mà lặn xuống đến dòng sông Dương-hà, thì như cả lòng dạ tâm trí tôi đều thờ thái nở-nang mà ôm-ấp sự tín-ngưỡng vào.

Tôi có một con đòi, hề mỗi khi gà gáy tàn canh thì nó đi ra mé sông Dương hà, theo chàng Hoa-Liêng mà hứng lấy bụi cát vẩy lên trong khi chàng dời gót. Tôi trông ra thấy cảnh ấy thì vui-vẻ, nhưng vừa vui lại vừa thấy một cái buồn nó xảy ra, buồn là vì chẳng được như con

đòi mà gần chàng một vài chút thì giờ, đầu cho ngắn gối đi nữa, tôi cũng đẹp lòng.

Mỗi khi đến ngày tế lễ, còn đòi thiết-dãi những thầy Bà-la-môn rất nên trọng hậu. Tôi thường trao cho nó tiền dâng về sấn-sóc mấy người Bà-la-môn; và một hôm tôi bảo nó đi thỉnh chàng Kiều-hoa-Liêng đến mà dự yến của nó bây thì nó ngó tôi có tuồng không bằng lòng mà rằng: « Dám bầm Công-nương: Chàng Kiều-hoa-Liêng chẳng hề thọ lãnh vật gì của ai hết »

Tôi thấy không thể tỏ lòng mộ đạo của tôi cùng chàng, tôi đã không phép giáp mặt với chàng, mà cũng không phép nhủ với con đòi, cho nên buộc phải lặng thinh mà chịu. Tôi nhớ lại ông tôi có giao duyên với một người đàn bà bên phái Bà-la-môn, nên tôi lấy làm hân hạnh mà nghĩ rằng tôi cùng chung máu-mũ với người Bà-la-Môn, thế thì tôi thường cho rằng chàng Hoa-Liêng và tôi không xa lạ chi nhiều. Từ đây tôi ham mộ nghe con đòi thuật lại những câu chuyện cổ-tích và truyền-ký về thánh thần một cách rõ-rệt êm-đềm của phái Bà-la-Môn, tôi càng nghe thì càng thích, càng thích lại càng ham mến cái nền văn-minh của người Bà-la Môn. Nào là tượng thần tiên, nào là tiếng chuông-mở trong chùa, nào là nhan đèn ngui-ngút, nào là mùi hoa pha với mùi trầm bay lên ngào-ngạt, nào là cách nhân-từ trong sạch của những thầy tăng, nào là những bức ảnh vẽ hình những vị thần đáng thế, cả thấy đều chất chứa trong trí-tưởng của tôi làm cho tôi nghĩ ra một cái thế-giới viễn-vọng minh-mông đầy những tinh-thần văn-minh của Ấn-bộ chính là của bà Bà-la-môn vậy.

Tâm trí tôi nghĩ ra như thế, tựa hồ như tôi là một con chim đương bay vùn vờ phòng này qua phòng kia, trong một cái đền cổ to tác tối tàn.

Lúc bấy giờ giặc loạn dấy lên dữ-dội, tôi và con đòi ở trong thành Bàn-Lương thật rất ầu sầu. Phái Bà-la-Môn nghịch với phái Hồi-hồi, hai bên quyết tranh nhau đặng đánh làm chúa cả nước Ấn-độ.

Ông thân tôi tức là ông hoàng Vương Lăng, là một người lợi-hại khôn-lanh, đã từng xung đột với quân Anh

mà lại tự nghĩ rằng: Giống da trắng này, chúng nó khiến nổi nhiều việc lạ thường, có lẽ ở Ấn-độ không một dân nào địch-thủ lại, vậy thì ta không nên làm liều mà mất thành Bàn-Lương. Ta quyết không giao chiến với quân Anh đâu. » Cha tôi tính như thế, chúng tôi đều không vui, vì trong thành, từ những bọc trai trắng, cho chí những kẻ da mồi tóc bạc đều xao-dộng, không một ai đề ý an hòa đề đối-dãi với quân Anh.

Tôi đã rõ chàng Kiều-hoa-Liêng là người theo đạo Bà-la-môn, thế là người nghịch với cha tôi, mà giữ cả binh trong thành, một hôm đến trước cha tôi mà nói khẳng khái rằng : « Ông Vương-Lăng, nếu ông không qui-hàng theo chúng tôi, thì tôi định sẽ chiếm thành này mà ngăn chống với quân nghịch và không dung ông đâu »

Cha tôi nghe vậy thì không hề lòng lo, vì ông sắp giao-hòa và hợp với quân Anh, đang đánh đuổi bọn Bà-la-Môn, nên khi chàng Kiều-hoa-Liêng bảo phát lương tiền cho quân lính thì cha tôi cũng chuẩn cho, nhưng trao ra một số nhỏ nhứt lắm. Tôi thấy cái thâm-trạng của quân-lính thì động lòng, bèn cõi cả đồ nữ trang của tôi từ chơn chỉ cổ mà giao cho con đòi, bảo nó đưa qua cho chàng Kiều. Khi hay rằng chàng đã lãnh lấy thì chơn tay đầu cổ tôi không còn một hạt ngọc một chút vàng, nhưng nó nhẹ nhàn khoản-khái hơn xưa nhiều. Chàng-Hoa-Liêng cũng sắp ra tay, bèn chùi súng cũ, tuốt gươm xưa đang xông vào trường huyết chiến.

Một buổi chiều, thỉnh-linh thấy một viên Tổng-thống vào thành Bàn-Lương với một đội binh Âu mặc sắc đồ-hồng chói rỡ. Mới hay rằng tôi mật-thư cho quan Tổng-thống bảo trừ chàng Kiều-Hoa-Liêng, vì chàng muốn đẩy lên mà hạ thủ mình. Tựa hồ như tìm phổi tôi nó đã rả ra từ miếng, tôi đã mang nhục lắm rồi, tôi đã khổ tâm lắm rồi, cho đến nỗi không có một nhĩ giọt lụy lưng tròng.

Tôi liền lấy y-phục của anh tôi mà giả trai, đoạn lên bước ra khỏi thành. Khi này đây quân reo in ỏi, trống đánh tung bừng, khói bụi mịt trời, súng vang dậy đất, bây giờ vùng trời trở nên phẳng-lặng tựa hồ như cái chết bay phốt trên cả vũ trụ, trông ra ghê gớm mà rùng mình.



Tôi cõi nữ trang giao cho con dõ

Bóng tà-đương chói đỏ lòm trên rạch Dương-hà tuồng như kẻ lâm-chung nằm trên vũng máu. Bên trời vầng trăng bạc lộ ra mà tia cái sáng trong của nó trên khoảng đồng to mà mờ rồi đây mấy trận kịch-liệt sảy ra. Bảy giờ đây những kẻ nằm chinh chồng với kẻ ngắt ngư đờng mơ màng về nỗi vợ tình con, chạnh bầy cho những kẻ dựa cột bên màng. Tôi trải qua những khúc đường thăm thiết đau-thương như vậy là cang-đảm lắm rồi, nghỉ cho thân gái một mình trong khi vắng, thấy muôn vạn kẻ từ trận bên mình, thấy cái chết bay bên tai trước mắt, mà chẳng chút rụt-rè e-sợ thì lạ lắm nào ! Tôi thật không còn biết cái sợ là gì, như đã thành một kẻ mất hồn. Ngoài ra cái hy-vọng lắm cho được chàng Hoa-Liêng thì tôi chẳng biết ước-ao đều gì khác nữa. Mãi đến gần nửa đêm tôi mới được gặp Kiều-hoa-Liêng, mà gặp chàng nơi đâu ?

Chính tôi gặp chàng năm mê-man bất-tĩnh dưới cội một cây xoài, gần rạch Dương-hà. Ôi ! Cái tình thương-tưởng của tôi đã lâu rồi, nãy ra bao nhiêu thì tôi lại dần dần bấy nhiêu mà để qua một bên lòng, nay nó bứt-nổ cả ra, tôi không thể chứa-chất hoài, tôi không thể làm chủ nó nữa rồi, cho nên nó bắt tôi phải nhào lặn trên chơn Kiều-hoa-Liêng dù cả tóc tôi ra mà chùi bụi trên chơn chàng, và ôm lấy chơn chàng mà hôn. Lúc bấy giờ giọt lụy tôi ráng không cho tràn nó trào ra và nhĩ xuống chơn chàng. Kiều-hoa-Liêng bèn cựa mình, có một tiếng than nho-nhỏ thoảng qua nơi môi tái-ngắt của chàng. Cặp mắt còn nhắm khít, chàng mở miệng muốn xin một hớp nước mà uống. Tôi liền đứng dậy lần xuống sông Dương-hà, lấy một vạt áo nhúng dưới nước và trở lên để trên môi chàng ; kế xé một chéo áo mà đắp bên mắt bên tã của chàng vì nơi ấy bị một lưới girom. Đoạn thấy nơi đâu bị mộtevil sâu, tôi bèn đắp lại ki-cang và rưới nước trên mặt chàng, lần lần chàng tỉnh lại. Tôi hỏi chàng có muốn cần dùng đều chi nữa chẳng, thì chàng ngó tôi mà hỏi là ai. Tôi không dè-dặt nên đáp rằng : « Thừa chàng, em là con của hoàng Vương-Lăng ! »

Tôi trả lời như thế là mong rằng chàng dỗi đến chút tình chớ có dè-dầu vừa nghe qua thì chàng vùng la lên

rằng: « Trời ôi ! Mi tệ lắm nào, mi ác lắm nào ! Ta đã đến giờ lâm-chung mà mi lại đánh lâm thúi-tha nhờ-nhuốc cả một đời của ta nữa... (1) Chàng nói thế rồi đánh vào gò má bên tả của tôi một cái rất mạnh làm cho tối-tâm cả mặt-mày.

Ông ôi ! Lúc ấy tuổi tôi mới vừa hai tám, và là lần thứ nhứt mà tôi ra khỏi hoàng-thành. Chon chưa hề dờ xa một khoảng đường không xe không kiệu, mắt chưa hề trông thấy những thãm trạng trên đường trường, tôi lại đánh bỏ cha xa mẹ, dứt đi một mình, một bóng chẳng quang muôn dặm nhọc nhằn, mà chừng gặp rồi lại được tiếp rước một cách trọng hậu vô cùng. Thế thời trời thương cái lòng từ-thiện của tôi rất đích đáng khoan-dung vậy.

Tôi mãng nghe cô Hoa-Lang thuật tiểu-sử mình, tưởng như mơ màng trong giấc mộng, cho đến nỗi điều thuốc trên tay đã cháy tàn mà hầy còn chưa hay biết. Vì sao lại mộ nghe đến thế ? Hoặc là giọng nói thanh như dờn ? Hoặc vì cái lịch-sử khổ-não kia nó làm cho tâm trí lấy làm thích-đẹp vô cùng. Thật khó mà đoán cho ra vậy. Lúc ấy chỉ biết ngồi lặng thinh mà nghe, đến khi cô thuật đến đây tôi cũng ngắt cả người và thốt lên, phiên Kiều-hoa-Liêng rằng : « Khốn nạn lắm nhẽ ? Lòng người đau đến thế ? »

Cô Hoa-Lang bèn chầm rãi mà trách tôi một cách nhẹ nhàng rằng : ông thốt quá lời đó ạ »

Tôi vội trở đi mà rằng : « Ấy cũng là cao-thượng lắm vậy Nhưng cô hoa-Lang liền bẻ đi mà rằng : » ông cho thế là cao-thượng a ? Nếu quã là cao-thượng, thì dậu có từ những điều trân trọng mà lòng nhân này xin hiến cho chàng ? »

Nghe vậy không thể trách mà cũng khó nổi khen, nên chỉ đánh lâm thinh để nghe cô tiếp chuyện.

« Ông ôi ! Ban đầu tôi thất vọng lắm, tâm trí tôi rối loạn khổ nhục lắm rồi, tôi bèn thãm trách rằng : « Chàng ôi ! Bạc-tinh chi lắm vậy ! Người có của muốn trao ra mà đã

(1) Vì uống nước một cô gái đạo Hồi-hồi.



Tôi hôn chơn chàng

thì chàng cũng điềm nhiên. Một cô gái có tánh-đức đoan-trang dễ lòng mong-mỏi mà chàng chẳng chút đoái hoài ! Chàng tự-cao chẳng ! Chàng coi người đời như tro-hụi chẳng, nên mới đành không nghĩ chút thân này.

Khi chàng Kiều-hoa-Liêng ngó qua thấy ai là cửa-các phòng-khuê mà nay một mình lúc canh khuya đêm vắng lại quì luy bên chàng, có lẽ chàng cảm-xúc chẳng? Nhưng nét mặt chàng vẫn tự nhiên, không lộ vẻ cảm-động cùng ngạc-nhiên chi cả. Chàng ngó tới giây lát, khẽ nhọc lặn ngồi dậy. Tới liền đưa tay ra hầu nâng đỡ chàng, nhưng chàng vệt ra và ráng lặn xuống mé rạch một cách thiết-tha đau đớn. Nơi ấy có một con thuyền trống, không bạn bè. Chàng bước qua thuyền, ngồi trong mà cho trôi theo dòng nước...

Ôi ! Lúc ấy tôi then biết đường nào, nghĩ mình như một đoá hoa đương xuân lại lìa cành, đem giao cả cái khối-tình, cả cái buổi thanh-niên, cả những điều ao-trước vào chàng Kiều-hoa-Liêng. Chàng lại đành bước xuống thuyền mà tách theo dòng nước. Năm ba phen tôi định nhảy trằm mình cho rồi. Nhưng có một cái mãnh-lực khác thường nó ngăn không cho tôi trằm chầu đắm ngọc. Vầng trăng lộ trước chơn trời, lảng den sậm của những cây bên rạch Dương-hà, những dinh-trại thăm thăm ở xa, gần một đôi cụm xoài, tất cả tưởng như hiệp nhau mà lộ vẻ âu sâu, làm cho cái thảm trạng nơi chiến-trường trông ra càng thêm ghê-gớm. Tôi mãng ngó theo con thuyền đương dong ruổi theo những bờ-bến lơ-mờ, thì có một cái hi-vọng mơ-hồ nó từ từ mà nảy ra, khiến cho tôi không nỡ lìa đời, không đành dứt-di trong cảnh tịch-mịch dưới bóng trăng thanh kia vậy.

Tôi bèn chậm bước lặn theo mé rạch, trải qua những cỏ lau rậm rạp, những lối bùn lầy, khi lội ngang ao vũng, lúc lại trèo trên những bờ gay go trắc trở.

Hoa-Liêng thốt đến đây lại ngừng, tôi cũng lặng thinh không muốn làm rộn trí cô. Cô nín một chút rồi tiếp rằng : Những bước đường, những câu chuyện xảy ra trước tới sau, tôi khó mà thuật lại rõ-rệt gọn-gần, vì là những lối nào-nề cho tôi lắm vậy.

Ông ơi ! Khi cặp mắt tôi trông hết thấy con thuyền của chàng Kiều-hoa-Liêng, tôi bước chơn ra đi, nhưng tựa hồ như đi trên một cái đồng vắng mông-mính, không biết đâu là đâu cả. Những khúc đoạn-trường của tôi, nay nó chất chứa đầy đầy trong trí, nên tôi không biết nói đến đâu là cùng và chưa rõ phải thuật sao cho ông nhận nó là thật vậy.

Trong mấy năm nay, tôi đã từng lặn-lóc nơi sông mề bề khô, biết rằng trên đời không có cái gì là khó, và không có cái gì là không làm được. Họ tưởng rằng một nàng công-chúa ra khỏi hoàng thành thì không khi nào chịu lặn-dặn lao đao được lâu dài... Ấy họ lầm lẫn vậy. Sở dĩ ta xen vào một đám đông mà ta muốn ra, tức nhiên ra được, dầu khó dầu dễ, không mau thì lâu ta cũng tìm được đường mà ra; đường đời có khác nào đường ở đám đông, tuy nó không phải là đường của một vị công-nương, một cô kén cổng cao-tường, nhưng dầu thế nào cũng là một đường dắt con người đến nhiều nẻo khác nhau, hoặc cao hoặc thấp, đường quanh co thăm thẳm, có lắm đều vui mà cũng có lắm đều buồn, có lắm bước dễ dàng mà cũng có lắm bước trở ngại, nhưng dầu thế nào, nó cũng là một con đường.

Cái lịch-sử lưu-lạc của tôi trên con đường mọi người đều dễ bước, cái bộ phiêu-lưu-tiểu thuyết của tôi thật là không-vui và có lẽ nếu thuật với ông thì tôi thuật hết không được. Dứt một lời, tôi trải qua biết bao nỗi khổ lúc nguy, nhưng hóa-công hãy còn vui-dập mãi chưa thôi. Thân tôi tuồng như ngọn lửa, càng cháy thì càng cao, tôi gặp càng nhiều cảnh ngộ gian-nan, thì tôi lại càng vượt lên khỏi đám người trên đường đời vậy. Hễ tôi biết được thanh cao, thì dầu cho cái khổ sâu-xa bao nhiêu, tôi cũng không để ý. Nhưng vừa khi tôi được hiểu rằng ngọn lửa khốn-cùn nó đưa lên ngọn lửa hàn hạnh nhưt cả hai đều nguội lạnh hết, tôi đã cùn sức rồi. Ngày nay chính tôi không còn vui dập, không còn bay nhảy trong chốn bụi trần và cái lịch-sử tôi cũng dứt đi là lúc này vậy...»

Cô Hoa-Lang thuật đến đây rồi nín lặng.



Chàng bước qua thuyền

Nhưng tôi lắc đầu mà cho rằng chưa thiệt dứt, đoạn nhỏ nhẹ rằng :

« Thừa Công-nương, tôi cam lỗi xin Công-nương phân thêm cho rõ đoạn cú-củn, ấy là công-nương gởi cho tôi một cái ách nặng-nề, ấy là muốn cho tôi chia sầu với công-nương vậy.»

« Từ khi chàng Kiều-hoa-Liêng đi rồi, tôi cứ lần theo tìm mãi. Một đôi khi dò được tin chàng, nhưng chưa hề giáp mặt. Chàng rày đây mai đó, thoáng qua như ngọn gió văng mây, khi đến đông lúc qua tây, rồi lại ra đi chớ không nhứt định nơi nào. Tôi mặc đồ tăng-ni Bà-la-môn, và qua thành Bình-an-kinh, vào một kiền chùa hầu mong tin chàng, vì tin-tức trong nước Ấn-độ đều dồn về nơi đó cả. Tôi lấy làm lo lắng âu-sầu mãi nghe thuật những trận mưa xẩy ra. Ban đầu còn được một đôi khi thấu tin, lần lần không còn nghe biết chi nữa. Những đấng anh-hùng kia với chàng Kiều-hoa-Liêng mà tên-tuổi lừng-lẫy khắp nơi, bây giờ đều lu-lờ tiu-láng trong đám lửa khói rất là tối tăm mờ mịt. Đoạn tôi từ giã ông sư trong chùa mà đi tìm chàng. Tôi sang nhà này rồi đến nhà kia, hết xứ này rồi qua xứ khác, nhưng chưa gặp chàng. Một vài người biết chàng, số ấy ít lắm, đều nhận rằng chàng đã bỏ mạng nơi chốn chiến-trường, hoặc là bị quân nghịch xử-tử lúc tàn binh. Nhưng bên lòng tôi lại có một tiếng nhỏ nó từ từ phía trong mà lên, bảo tôi rằng chàng Kiều-hoa-Liêng hãy còn sanh-tồn. Chàng Bà-la-Môn ấy, lòng trong-sạch ấy, cây hương thơm-tho ấy, nó chưa thiệt dứt đầu, nó còn chờ người trinh-bạch đến dâng cả tâm hồn đặng khêu cho thêm sáng rỡ.

Ngẫm ra có lắm kẻ cơ-hàn nhờ gia-công cầu nguyện nên theo được đạo Bà-la môn, chớ chưa từng thấy người bên phái Hồi-giáo mà muốn theo bên Bà-la-môn. Tôi tưởng còn chờ lâu mới mong hiệp với chàng, là trước phải theo đạo Bà-la-môn. Ôi thôi ! Tính ra đã trên ba mươi năm rồi. Ngày nay về tinh-thần, về tánh-nết, tôi đã hóa hẳn ra là một cô Bà-la-môn rồi. Cái giọt máu Bà-la-môn kia, khi xưa bà tôi rơi lại, bây giờ nó chảy khắp trong

thân tôi và làm cho thơ-thái cả chơn tay tôi vậy. Tôi thường cho rằng nếu gặp được chàng Kiều-hoa-Liêng thì tôi không chút ngại-ngùng, vội lẳng bèn chơn của người yêu nhút trong buổi xuân xanh mà trao vira tâm hồn vira hình-vóc. Tôi tưởng thế nên hăng-hái lắm! Tôi năng nghe thuật những công lao của Kiều-hoa-Liêng chốn sa-trường, nhưng tôi không cảm-súc không động-tĩnh nhiều. Tôi chỉ nhớ trong trí rất rõ-ràng, chàng Kiều trong chiếc thuyền con, dưới bóng trăng trong, nhẹ nhẹ theo dòng êm trên sông Dương-hà. Ngày và đêm tôi hằng vọng tưởng, thấy chàng một mình một bóng dong ruổi theo con đường bi-thiết của hóa-công.

Một hôm tôi hay được tin chàng, vì muốn lánh nạn nên qua xứ Ninh-Ban, ở cũng lâu mới được biết rằng chàng ra đi đã được nhiều năm rồi, lấy giờ không rõ ngu nơi nào. Từ đấy tôi không ngã lòng, cứ đi tìm mãi, có khi gần nhiều dân-tộc tôn-giáo khác, cách sinh-hoạt khác nhưng tôi giữ không cho phai-lợt cái tin-nguởng Bà-la-môn giáo,ặng không hồ mặt với chàng, vì biết rằng con thuyền nay gần đồ bến rồi.

Thế thì làm sao mà đồ, làm sao mà gần? Khi nấy, khi nấy đây, chính là sau ba mươi tám năm xa cách, ba mươi tám năm lưu lạc xứ người, tôi mới thấy được Kiều-hoa-Liêng.....

« Sao Công-nương lại gặp được chàng? » Tôi hỏi như vậy vì tôi nóng nghe.

Hoa-Lang liền nhỏ nhẹ đáp rằng: « Ông biết tôi gặp thế nào chẳng? Tôi gặp chàng da mồi tóc bạc, hình vóc ốm gầy, ngồi trong sân mà lải bấp với một bà vợ, khác đạo Bà-la-Môn, còn chung quanh là một đoàn trẻ trững cười. »

Cái lịch-sử thuật đến đây là cùn. Tôi muốn thốt vài lời hầu giải cho cô được một ít phân sâu, bèn khuyên rằng: « Công-nương ôi! Một chàng Bà-la-Môn bình-bồng lưu-lạc trong ba mươi tám năm trời, để gì mà giữ đạo cho vẹn toàn, phần thì chung-chạ với những dân-tộc khác tôn-giáo khác tín-nguởng, phần thì phải lo mà trốn tránh đặng bảo tồn lấy tánh-mạng, thì ắt phải đổi hẳn tôn-giáo đi mới tiện bề lánh nạn.

Cô bèn đáp :

« Tôi cũng choán biết lắm. Nhưng tôi không hiểu vì sao tôi cứ tưởng chàng là sốt sắng về đạo mình, tôi cũng không hiểu vì sao lúc tôi còn thơ, lại đem hết lòng dạ mà hiến cho chàng ? Té ra nay mới rõ được rằng cái sốt-sắng của chàng khi xưa chẳng phải do bởi lòng thành, bởi trí tưởng, mà lại là bởi thói quen. Tôi ngỡ chàng trọng sự thật, mộ tín-ngưỡng thanh-cao, chứ không thì đâu đến đêm khuya thân gái dặm trường, tầm được rồi bị ố-nhục vào mặt, ấy là cách chàng tiếp rước một cô gái tuổi vừa hai tám, mới lần đầu bỏ lâu-dài dinh-thự, bỏ mẹ cha anh chị mà tách dặm tầm chàng, chẳng nệ khó khăn chi cả. Ôi! Chàng Kiều-hoa-Liêng, té ra nay chàng cũng đổi hẳn tôn-giáo đi rồi. Thế thì tiện cho chàng, chứ như tôi vì a mà bỏ trọn một đời, bỏ trọn cả tuổi thanh-niên, rồi biết lấy đâu mà thế, mà đổi vào nào ! »

Cô đứng dậy chào tôi bằng tiếng Bà-la-Môn, nhưng cô lại trở đi mà dùng tiếng Hồi-hồi. Cô chào bằng tiếng Hồi-giáo là cố ý từ giã những tín-ngưỡng Bà-la-Môn ngày nay đã rã rời như tro-bụi... Tôi chưa kịp trả lời thì cô đã ngã ra trên lộ gần núi Hỉ-mã-lạp-sơn.

Tôi nhắm mắt giây lát mà ôn lại cái kiếp đoạn trường. Cô gái ngồi trong dinh, trên tấm khăn nhung, tay chống cằm, dựa cửa sổ mà trông ra, thấy chàng Bà-la-Môn chào bóng thái dương dưới mé rạch Dương-hà. Kể thấy cô gái một mình một bóng, trải qua trăm dặm đường xa. Đoạn thấy cô trông vào cái gia-dình ấm áp yên vui của chàng kia, hai hàng lệ bắt từ trong mà lãng ra đầm đìa. Sau rốt thì thấy cô vì thất vọng, không nhà, không bạn, ngồi giữa màn trời.

Tôi bèn mở mắt ra, thì thấy sương đã tan lặn trên hòn núi chóa ra trắng xóa dưới bóng mặt trời. Cô Hoa-Lang đi đã lâu rồi ; trên đường thương-khách lại qua. Ai nấy đều lấy làm lạ mà thấy tôi ngồi một mình trên tảng đá dựa lề đường.

Lời bàn của người dịch

Ái-tình về đạo-đức, cao-thượng thay ! Nhưng bao người lầm về ái-tình ! Anh chàng đạo-đức vì cảnh-ngộ mà thay đổi tấm lòng. Nhưng ai kia vì tình nên phải khổ-tâm, mới biết đạo-đức cũng một trò chơi, một hồi quen-tánh của ít hạng người. Tội nghiệp ! Cái khối tình kia nào thấu nổi lối giả-tâm của con người.

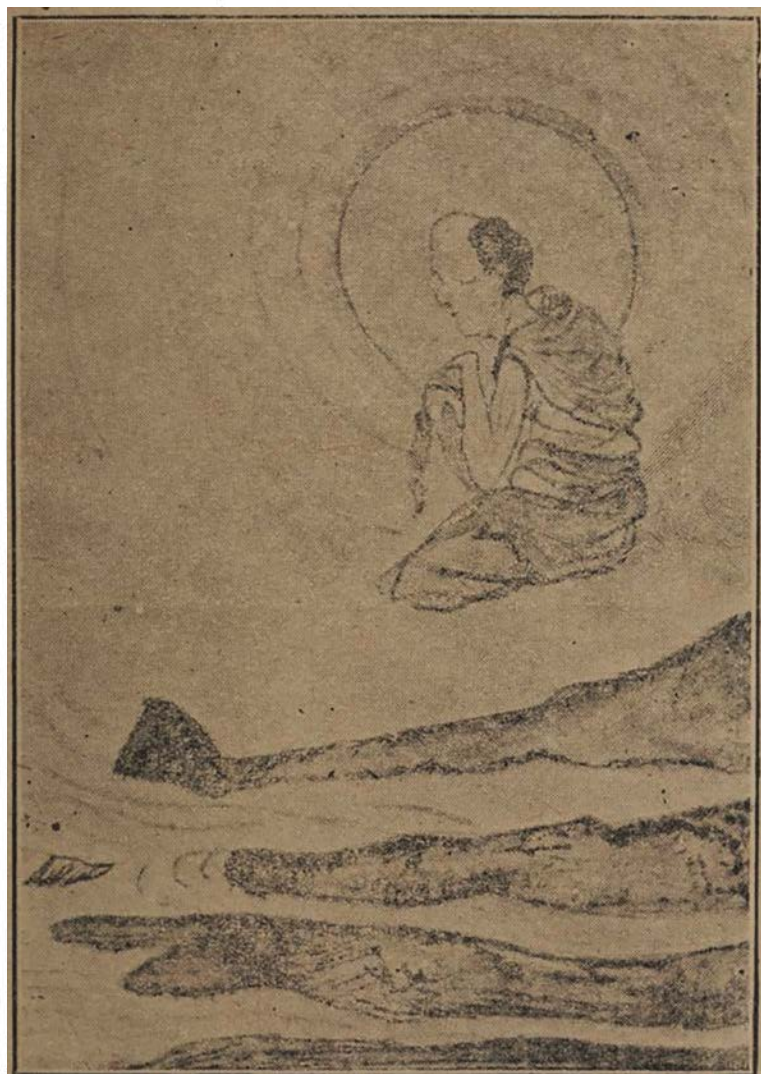
Ái-tình thành-thật cũng cao-thượng như đạo-đức thâm-trầm. Ái-tình tự trong tâm cũng đáng kính như đạo-đức tốt-lành. Nhưng ái-tình về tâm mà đạo-đức về tánh thời hai bên nghịch hăng nhau. Bên kia cao-thượng bao nhiêu bên này lại thấp thối bấy nhiêu ! Lấy đạo-đức mà làm quen-tánh thì con người ấy ai cầu làm chi ? Đạo-đức không phải là sự thật trong tâm làm cho ta được thêm chân-chính an hòa, lại chỉ là về những cảnh-ngộ ở ngoài, ấy có khác nào một nơi trống-trải đối với anh chàng đã bị người ta bịt cặp mắt lại rồi !

Chẳng kia lúc trước chưa phải là hành-đạo trang-nghiêm lại về sau lạt đạo, bấy giờ công-chùa mới nhận biết là trề rồi. Cao-thượng thay và khổ-cực thay cho ái-tình...

Cùng một dân tộc, cùng một nước-non, rất nhiều đảng phái, rất nhiều tôn-giáo là xứ Ấn-độ, giàu bề khó, khó ghèet giàu, sang khinh hèn, hèn oán sung.

Bà-la-Môn, Hồi-hồi cùng Thích-giáo lẫn với năm bảy đường đạo khác nhau, một trò cười cho ngoại ban, một mối ngọt cho cường-quốc, một cảnh hổ với ông-cha đã lâu đời gây-dựng !





Bề-ái trông ra nước đục lò!
Bức tranh của một nhà họa-sĩ Á-Đông, vẽ đức
Phật ngăm xem bề trần

ĐẠO LÝ NHÀ PHẬT

Mấy lời nói đầu

« Đạo-lý nhà Phật là một nền đạo-đức thâm-trầm cao thượng hơn các nền đạo-đức ». Ấy là lời nói của nhiều nhà thông-thái xưa nay ở trên mặt đất, và cũng là một mối cảm của chúng-ta vậy.

Sau khi lăn-lóc với trần-gian thế-sự, mỗi gổi chồn chợn với bả lợi-danh, chìm nổi với bề ải sóng tình, ngồi nghỉ lại cả một phần trong đời mình mà cháng-ngán vô cùng, tưởng đạo-lý nhà Phật với mình lúc bấy giờ cũng như chiếu bóng gổi dựa với người buồn ngủ kia, tha hồ mà ôm-ấp lấy !

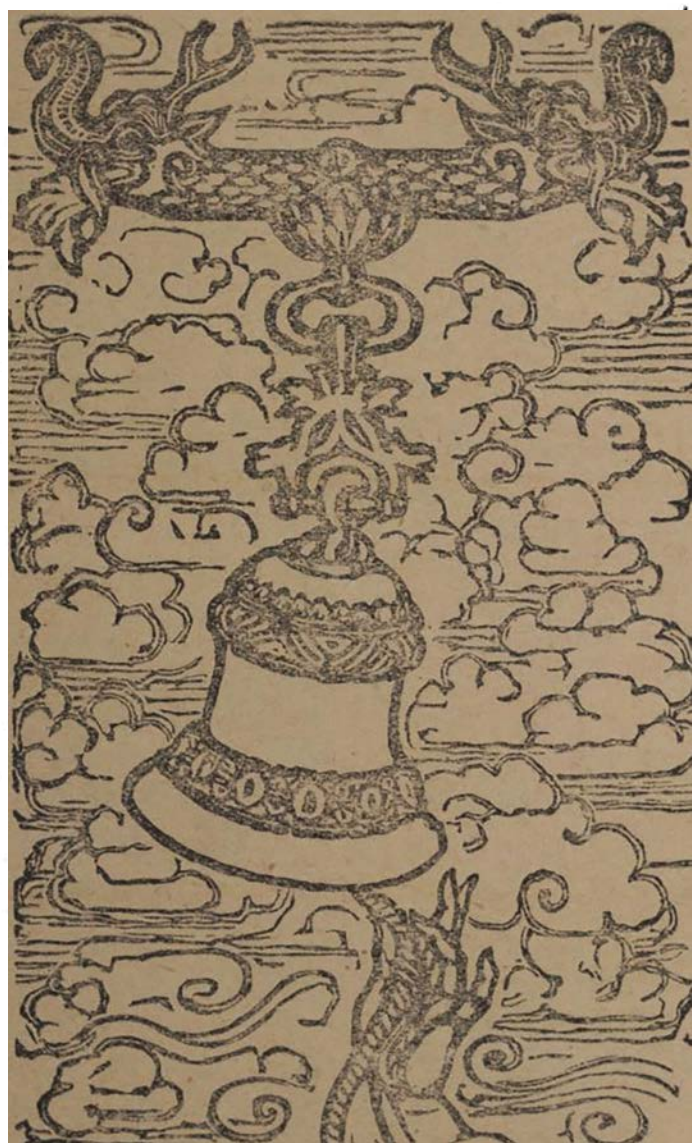
Sau khi xem kinh-sử của các nhà đạo-đức Đông-Tây, sau khi rõ biết nhiều chủ nghĩa duy-kĩ hẹp-hòi, bó buộc người ta vào những nỗi vô vị không bỏ ích vào đâu, bấy giờ rõ thấy chủ nghĩa đại-từ đại-bi, vừa tu thân vừa giải thoát cho chúng-sinh, không phân biệt sự khác nhau nơi màu da, nơi xứ sở, rồi mới biết đạo-lý nhà Phật rất là mong-minh vậy.

Sau khi xem sách-vở của lắm nhà hiền-triết xưa-nay, thấy trộn-tráo pha-lẫn nhiều phần của nhà Phật vào mấy trương kinh-sử của họ, bấy giờ mới thấy đạo-đức nhà Phật là bao-la, lắm nhà thông thái lấy răn-minh, triết lý và học-thuật nhà Phật mà làm cửa mình, bấy giờ mới thấy nhơn-loại hưởng nhờ đạo-đức nhà Phật mà có nấy người thấu hiểu cho !

Vì thế mà bỉ-phu ham-mộ triết-lý nhà Phật vô cùng. Xin thưa với các bạn đọc-giả, bỉ phu không phải là thầy tu, cũng không phải là nhà đạo, chỉ muốn dâng lên những đoạn sách-vở có bỏ ích vào tinh-thần trong phần muốn một đó thôi. Cho nên sách xuất bản tự tiền nhà, của riêng, không phải đi yêu cầu ai, thì là sách về triết-lý để đọc, chứ không hạn già trẻ cùng là đức kém đức dày chỉ cả

Mấy lời thưa trước xin đọc-giả cười mà nhận cho. .

Đ. T. C.



Dánh tan tục-niệm hồi chuen sớm

Phật là gì ?

« **Đ**ánh tan tục-niệm hồi chuông sớm, gõ vỡ trần-tâm tiếng mõ trưa » là cái lạc-thú của kẻ nhà thiền. Những hôm trời trưa lúc tối, ngồi trong am niệm-kinh gõ mõ, không còn biết gì đến bả vinh-hoa phú-quí, không còn thiết gì đến mùi chung-đỉnh, bấy giờ dưới chợ-búa con người những bôn-chôn theo đường danh-lợi, mà làm cho bề ai xem ra nước đục lờ. Một mình với một bầu trời-đất, nầy cỏ, nọ hoa, trên chim, dưới cá, sau khi tư-lưỡng về đạo lành bèn ngắm xem cảnh thiên-nhiên của tạo vật, rồi hút vào cái thanh-khi êm-tịnh thanh-bai, há không phải là cảnh thâm trầm ở cửa Phật hay sao ?

« Chở mấy quanh quất lòng hương Phật, gõ đá vàng lừng lối nhạc tiên », dầu không phải đem thân nương cửa bồ-đề, mà mấy người chẳng hưởng được cái lạc-thú của những chùa xưa núi cổ ? Tự mình thấy bao người dưới thôn-quê chợ-búa thường là những kẻ lả-loi hoa-nguyệt, mà khi dạo cảnh đến am, trông lên tượng cốt rở rãng, xem ra quang-cảnh nghiêm-trang đậm thắm, ở trên là trời rộng thành thành, ở dưới là cây-cỏ chắt ngất xanh-om, bèn cảm mà lạ Phật vãi trời, trong trí bấy giờ mới tưởng đến sự giả dối ở miền trần-tục kia !

Bọn nho học, là những người ham mỗi phú quí, cuộc công-danh, mà khi lên đến cửa thiền, thì cũng khiếp vì sự cao-thượng ở cửa không vậy. Quan pho nguyên-soái Nhân đời vua Lê thánh Tông, một hôm làm thơ tặng tiểu-nữ chùa Bà-Đanh cũng bảo rằng : « Chày kinh một tiếng tan niệm tục . . . cực lạc là đây chín rõ mười. » Còn vua là hạng người ham mê sự vui-sướng ở cung-điện lâu-dài, với cả ngàn cung-phỉ mỹ-nữ, với cuộc rượu chén trà, còn biết đạo-lý là gì ? Mà đến khi lên tới chùa xưa cảnh cũ, thì cũng cảm ít phần, nhưng trong lòng hãy còn nhớ những việc mê-mang kia. Khi xem cô tiểu-nữ chùa Bà-Đanh thì Lê-thái-Tôn cũng vì thấy sắc mà quên mình ở tại am bèn ngâm rằng : « Tới nơi thấy cảnh thấy người.

Tuy vui đạo Phật, chưa nguôi lòng trần. » Còn đến kẻ

nhà chiến mộ đạo thì cái thân sống là đề lo về đạo và đề cứu-vớt cho chúng-sanh. Lòng từ-bi đã lên đến cực điểm đâu còn biết lo lắng gì đến trần-gian, thì sự khoái-lạc mới thật là hoàn-toàn. Như bà sư chùa Non-nước là một cô gái tuyệt sắc, đứng từng cặp-kê, nhưng cô rất mộ đạo, anh ruột là vua Minh-Mạng bảo về lấy chồng, bà từ đi, bèn làm một bài thi, nếu ai họa được, sẽ lấy người ấy làm chồng :

Thế-sự nhìn xem rồi cuộc cờ,
Càng nhìn càng ngấm lại càng rờ.
Đánh tan tục-niệm hồi chuông sớm,
Gỗ vở trần-tâm tiếng mõ trưa.
Chu-tử ngán mùi nên vải ấm,
Đỉnh-chung lợm đọng hóa chay ra.
Lên đàn cứu khổ toan quay lại,
Bề ai trông ra nước đục lời.

Xem suốt bài thơ thấy rõ là một người dăng cả tâm-hồn về đạo, ngán vì cuộc-thế dơ dáy tanh hôi, đành gởi thân nơi cửa phật mà mõ trưa chuông sớm. Bấy giờ tuy là em ruột nhà vua, nhưng không thiết gì đến mối phú-quí, bèn quyết tâm đạo để cứu khổ những chúng-sinh đương chìm nổi nơi bể tình. Lòng đạo đã đến cực-diểm, phát hiện ra trên bài thơ, làm cho cả thấy những tay văn hay chữ giỏi đành phải co tay mà không họa nổi. Nếu ta là kẻ nhẹ tin thì ta tưởng rằng Phật hộ giúp bà chúa nên trong bài thơ ấy bà giửt với mùi tục-lụy, giửt với giầy gia-đình.

Lạc-thú của nhà chiến được thâm-trầm chẳng những là vì thấy cốt Phật nghiêm-chỉnh từ-bi, chùa xưa bụt giỏi, cũng không phải chẳng màng đến bả công-danh, mà gỗ mõ tung kinh, cũng thích những phong cảnh ở ngoài, mà thâm-trầm nhứt là về tâm vậy.

Nhà sư đã có chí về đạo-đức thì lo gì chẳng được lạc thú hoàn-toàn. Những hôm trời khuya cảnh vắng, ngoài là tiếng gió với tiếng dế dung, một mình ngồi suy-nghĩ đến cuộc hư-không của phú-thế thấy mình lướt-rakhoi lưới tình, tưởng đến những đấng hiền-nhân trải thân lo về đạo-lý nào là karma tố-sự tự bèn Ấn-Độ qua Tàu để truyền-bá

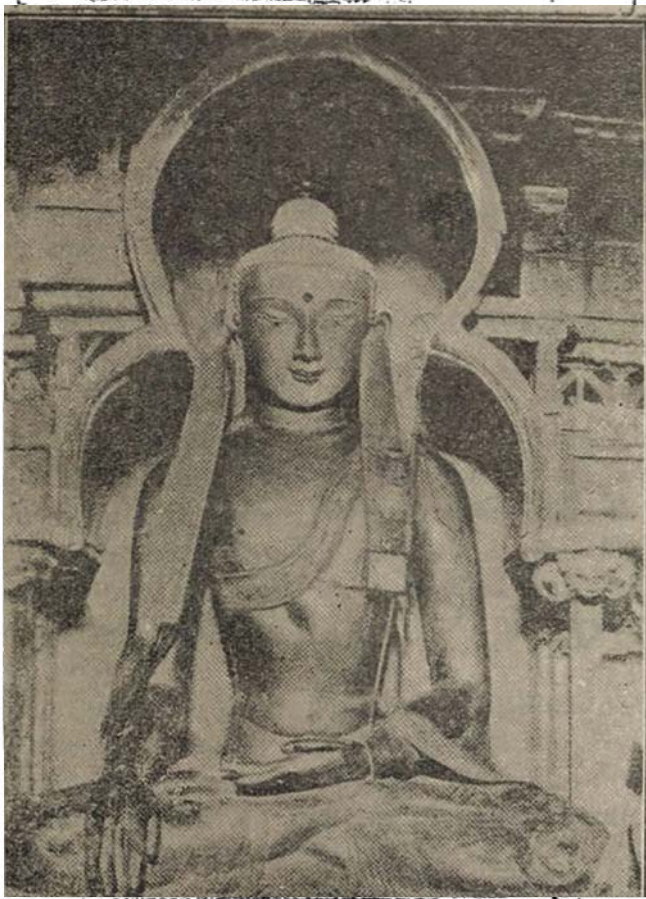
chủ - nghĩa từ-bi. nào là Huyền-trang không quăng nông nổi dọc dăng mà qua tận Tây-phương để thỉnh kinh rước Phật, hoặc là nghĩ đến vua A-dục binh vực cho Phật-giáo mà làm thành nền đạo-đức to-tác hơn hết ở Ấn-Độ. cũng là xét đến hoàng-tử đem cành Bồ đề qua đảo Ceylan và truyền đạo cho nhân-dân, rồi tâm-trí bền đưa mình lên đề hiều thấu những sự cao thượng cổ kim và đặc cho chúng sinh, cùng chung với các nhà sư mà thi hành chủ nghĩa từ-bi trong phần muôn một, như vậy há chẳng là cái lạc thú rất thâm trầm sao ?

Tư-tưởng hiền lành tuôn như nén hương trên bàn Phật, lần lần xuất hiện bay ra mà hòa với chư Phật và Bồ-tát trong chùa, bấy giờ cái không khí chẳng là êm dềm đích-dáng lắm sao ?

Biết đầu tư tưởng từ-bi ấy chẳng ảnh-hưởng đến cho phần đông những chúng sinh ? Bao người khi trông thấy một ông hạt tươi-linh oai nghi, hòa-huẩn êm dềm, khi về canh-cảnh bèn lòng, nghĩ đến, điệu hiền hậu ôn-hòa, nhớ cuộc thanh tịnh nơi am, nhớ quang-cảnh thuần hậu, thì lòng xao xác kia lần lần nguỉ đi mà làm cho người trông lên những điều cao-thượng của đạo từ-bi vậy. Như thế thì Phật giáo chẳng phải là nền đạo-đức chứa đầy sự khoái lạc và vui vẻ tinh-thần tâm-tánh sao ?

Ai ai cũng nhận là một đạo thâm-trầm. Cho đến kẻ ngạo sư ghét sãi cũng không dám coi nền đạo-lý nhà Phật là thường, mà lại lắm khi còn do chủ nghĩa từ-bi độ-thể mà làm nên những thi-phú rất tài-tình.

PHẬT LÀ GÌ ? — Có lẽ ta không hiểu cho rõ ràng. Về đạo-đức thì cội-rễ rất mơ-hồ, càng ngày người càng bày thêm. Cho đến có người lại tưởng rằng Phật-tổ không có hiện xuống trần mà phần đông đều nhận rằng đức Thích-Ca-Như-Lai cũng là một người như ta. Tuy lịch-sử của ngài có nhiều đoạn thuộc về truyện truyền-ký, mà trong đó há chẳng có nhiều đoạn thiệt hay sao ? Phật-tổ gốc ở nước Tây-Tạ gần 600 năm trước dương lịch, nước Tây-Tạ bấy giờ có lẽ là kể luôn về Ấn-độ, cho nên người



Hình Phật-bà.

Niết-Bàn là cảnh an-lạc hoàn-toàn.

Xem hình Phật-bà thì biết là người đã
dủ sạch các nguồn quả-báo, mà được ngồi yên
đời đời ở nước Cực-lạc vậy.

ta nói rộng ra là ngài sinh ở Ấn-độ quốc vậy (1). Ngài là một bậc hiền-nhân, tuy sắp lên ngôi báu mà đành bỏ sự phú quý vinh-hoa để vào rừng làm một ông bụt, tu luyện rất dày công, lại tầm được đạo mà thành Phật-tổ, lập nên tôn-giáo từ bi cứu thế vậy. Đọc qua những kinh cổ bằng chữ pālī, thì còn ai chẳng nhận Phật là một người cũng như các vị hiền nhân đồng-thời, mà cao thượng hơn, ngài cũng chịu khổ, cũng chịu nghèo. cứ ở trên non mà tư-tưởng, và sau khi tư-tưởng thấy yển-sáng hoàn toàn nó ửng vào mình, bèn đi ra tỉnh giải-cứu cho người. Ta hiểu ngài là một vị « đại thần-tiên » có đủ phép mầu là ta hiểu không xa xây, chính ngài cũng không bảo rằng mình là một vị đại-tiên, đại thánh, mà là một nhà hiền-triết, một vị tổ-sư. Đạo ngài không phải là một tôn-giáo cho người thờ-phượng khẩn-cầu, mà chính là đạo-lý thâm thúy và nhứt là chủ-nghĩa cứu-vớt loài người, vì ngày xưa Phật-giáo chỉ chuyên về những phương pháp tế-độ chúng-sinh.

Bắt từ lúc thành đạo dưới cây bồ-đề, thì Phật-tổ đã lo về sự giải-thoát con người ra khỏi bể khổ rồi. Ngài đã thấy rõ cái già-cuộc của hồng-trần, làm cho chìm nổi biết bao con người, ngài rất thương-tâm liền sang thành Bénarès mà thuyết-pháp lần đầu.

Con người rất ham sống mà tranh danh cuộc giàu-sang ham cho đến đôi khi sắp chết còn muốn luân hồi qua kiếp sau được sung sướng luôn. Sự quá tham-lam nó dày-dọa mãi, nó làm luân-hồi mãi, mà con người quá lăm. Chỉ có kẻ hiểu đạo-lý, biết coi phù-thế là già-cuộc thì mới không chìm nổi được. Phật-tổ nói rằng : « Này các tín-dồ, biến-cả tuy mình-mong mà chỉ có một mùi, là mùi mạng vậy. Đạo ta cũng thế, tuy bao-la mà cũng chỉ có một mùi là mùi giải-thoát vậy ! » Sự giải-thoát hoàn-toàn ở nhà Phật là cảnh Niết-Bàn.

(1) Vì nào muốn hiểu tích Phật xin xem « Truyện Phật Thích-Ca » đã xuất bản trước rồi.

Niết-Bàn là gì ?

Niết bàn không ngoài hai chữ mà nghĩa lý rất rộng-rãi : bao-la, lại khác ra từng xứ với từng phái nhà-tăng. Lấy ý chung thì mọi người đều hiểu Niết-bàn là cảnh an-lạc, là sự thắng-thường đặt-biệt của những nhà có đầy công với nền đạo-đức, chính là cảnh « Thiên-dàng » của những nhà từ-bí về đạo Thích vậy. Nhưng không ai hiểu chắc Niết-Bàn ở nhấm chỗ nào, ở về nước nào, ở về nơi nào trong trời-đất, mà nhiều người đều nhận rằng nhà đạo-đức có thể bước đến cảnh Niết-Bàn, và những nhà không lụy với bề-trần thì tuy còn ở nơi nhân-thế mà tưởng mình đã lên được Niết-Bàn rồi.

Niết-Bàn có phải là một nước cực-lạc chăng ? Và nước cực-lạc ở chỗ nào ? Ấy là một vấn-đề khó hiểu hơn hết trong nền Phật-giáo vậy. Bởi thế cho nên mỗi người hiểu theo một ý rất khác hẳn nhau, rồi sanh ra lắm việc dị-đoan.

Cho đến Phật-tổ Thích-Ca ngài cũng chưa nói rõ ra, ngài chỉ phán rằng : « Niết-Bàn là cảnh an-lạc hoàn-toàn nó làm cho mình hết vướng những sự khổ não ở đời, vì mình đã dứt ra với cuộc luân hồi, mình đã thoát ra khỏi sống-tình bề ái, mình đã tự giải ra với sự quyến-luyến ở đời, chính là mình đã đủ trọn các nguồn quả-báo vậy. Luân-hồi quả báo đã dần tắt rồi, con người không còn sống đi chết về nữa, thì những nạn khổ mới được dứt tuyệt đi.

Bởi không mấy ai hiểu rõ hai chữ Niết-Bàn cho nên tha hồ các nhà sư muốn nói sao thì nói, cho nên Phật qua đời rồi thì tín-đồ bày ra nhiều ý-nghĩa khác nhau.

Có nhiều phái nhứt là phái tiểu-thừa hay là Phật-giáo ở miền dưới thì cho rằng Niết-Bàn là hư-không. Họ chắt như vậy là hồi Phật sắp lìa cõi trần có dặn rằng ngài thác rồi thì hình-hài thân-thể đều tan rã ra mất hết, chỉ còn lại đạo-lý mà ngài đã dạy các tín-đồ. Họ cũng tuân theo lời Phật phán trước rằng bề chết rồi thì ngài không còn phò trợ tiếp-ứng cho ai, và khuyên tín-đồ cứ tin lấy mình và tin vào đạo-lý để lướt qua các sự khó-nhọc, chớ không cúng-quỷ cầu-khẩn mà làm gì.

Còn về phần phái Đại-thừa hay là Phật-giáo ở các nước Á-Đông về miền trên, thì họ nói Niết-Bàn không phải là hư-không, vì họ tin rằng tuy Phật-tổ đã về Niết-Bàn mà ngài còn hiển-hích luôn, ngài còn cho tin-dồ thấy luôn. Theo họ thì Niết-Bàn là cảnh nhàn-lạc đời đời rất thanh-thời vui-sướng. Bởi vậy cho nên ở Tàu và ở Nhật người ta nói rằng chư Phật đã vào cõi Niết-Bàn mà vẫn thường hiện xuống cõi trần để dắt-dẫn chúng-sinh, cho nên bên ấy các chùa đều thờ phượng cúng tế rất rục-rở rình-rang. Ai ai cũng đều lạy Phật mà khẩn vái cầu nguyện mọi điều. Còn miền dưới như ở đảo Ceylan thì người ta chỉ tu-thân và cứu-vớt, cũng dâng hoa-quả cho Phật-tổ Như-Lai, chớ không thờ phượng lăn-xăn, không khẩn-vái rộn-ràng. Họ chỉ ngồi trong lều cỏ mà tư-tưởng, không thiết gì đến các việc mê-tin dị-đoan.

Xứ ta thờ đạo Phật là do theo nước Tàu. Mấy anh sãi Tàu thường ham phù-phép dị-đoan, thì mấy nhà tăng mình cũng tránh không khỏi những điều mê-tin cho nên nói về Niết-Bàn thì nhà tăng phần nhiều không hiểu mà họ lại còn muốn ca-tụng thêm cho đạo, nên bày đặt vẽ vời ra lắm câu huyền-hoặc về xứ cực-lạc, về cảnh Niết-Ban



Sự cao-thượng của nhà Phật

Người ta nói rằng trong bao nhiêu những tôn-giáo xưa nay có nền Phật-giáo là thích hợp với tính người, và có được phong hóa thanh-cao với lý tưởng thâm-trầm hơn hết. Lại thêm Phật-giáo là một nền đạo-đức trọng sự bác-ái, tra việc cứu-nhân độ-thế, và không hiềm riêng với một đạo nào. Vì dầu ai là người khác đạo, ai là người hung dữ hoang-dàng, mà gặp cơn không may mắn thì nhà Phật cứ trợ-tiếp luôn, cứ cứu-giúp ngay, cứ đem lòng từ mà rải khắp, không lựa, là sang hèn xa lạ chi cả.

Bởi vậy cho nên Phật-giáo là một đạo cổ hơn hết, mà hiện nay vẫn còn thanh hơn hết với chủ - nghĩa cao thượng kia.

Hiện nay không nói về các dân-tộc Viễn-Đông ta có trực-tiếp với văn minh và đạo đức Ấn-độ từ bao giờ, ngay như ở các nước Văn - minh người ta trọng luân lý và triết-ly nhà Phật vô cùng. Lại ở những nước văn-minh đó, ca-tung chủ-nghĩa nhà Phật, phần đông là những nhà có học-thức sâu xa, có ý-tưởng cao rộng, là những nhà thông-thái vậy.

Lối năm chục năm nay, ở Âu-Mỹ người ta gây nên phong-trào hoang-nghinh Phật-giáo, kẻ thì qua Ấn-độ để học chữ Phạn, người thì trốn qua Tây-tạng để xem tinh-hình nhà Phật, có người lại dịch sách khảo về văn-minh nhà Phật nữa. Hiện nay, người ta không phải là dân-tộc Ấn-độ như mình, nhưng người ta cũng lập ra **thơ-viện nghiên-cứu Phật-học**, kho sách về luân-ly và triết-ly nhà Phật, lại có nhiều nhà thông-thái hiểu rõ chữ Phạn, đương làm giáo-sư ở nhiều trường đại-học với những tín-đồ, toàn là hạng có danh.

Cũng ở Âu-Mỹ, chẳng những hạng thông-thái hiểu rõ về đạo Phật, mà lại nhà-nước cũng chọn những lý-tưởng về Phật-học mà làm pho luân-ly dạy trong nhà trường. Còn một việc trọng-hệ nữa, là nhiều tôn-giáo khác hiện-thời đã khảo rõ về Phật-giáo, bèn trích ra mà lấy một vài phần lớn trong đạo-ly nhà Phật, họ trộn sự cao-thượng

của Phật-giáo chung lại với đạo của họ đương thi-hành, để cho có bọn tín-đồ ngày một đông thêm.

Thế thì **nhơn-loại** đương chịu ảnh-hưởng nhà Phật, mà nào có hay biết chi đâu ! Lại có kẻ đương làm nên công-trình vĩ-dại là nhờ một vài tia-sáng của nền văn-minh nhà Phật, mà nào họ có ngờ !

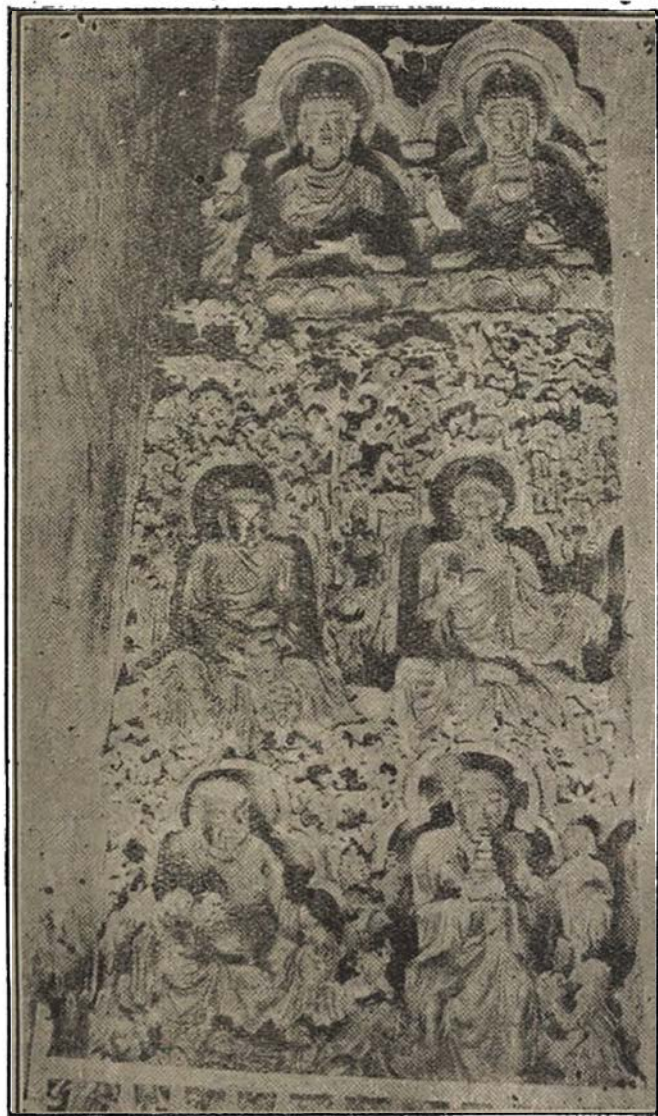
Cho đến nay mà người đời còn chưa hiểu đạo-lý nhà Phật, ta hồi tưởng lại mấy ngàn năm trước kia, thì chẳng những chủ-nghĩa là thanh-cao, dạn-dĩ, mà người bày ra chính là Phật Thích-Ca, thật là một nhà cách-mạng rất to gan vậy.

Lúc bấy giờ các tôn-giáo ghét lẫn nhau với những nhà chùa không trực-tiếp nhau, phái này hiềm-thù phái kia luôn. Sự chia phân giai-cấp làm cho sang hèn khinh-dễ và oán hận nhau, mà tôn-giáo xa lạ cũng ó-kị nhau vô cùng. Đương lúc ấy lại sinh ra một nhà cải-cách là Phật Thích-Ca, tự mình dòng nhà vua, không màng ngôi báu, đem thân làm một nhà đạo hành-khất từng ngày, bèn lập ra chủ-nghĩa từ-bi, cao-thượng hơn các danh núi Hỉ-mã-lạp-sơn kia nữa ! Chủ-nghĩa từ-bi ấy, lướt lên trên các đạo, đứng vững một mình, chớ không theo đạo nào phái nào cả.

Trải qua bao lần thành - bại, sự văn - minh tân-tiến đổi từ chỗ nọ qua chỗ kia, đạo dẫu cổ, nhưng chủ-nghĩa kia lại được cao-thượng mãi luôn lại rất thích-hợp với tính-tình nhiều dân-tộc nữa.

Trong khi mà tôn - giáo đều là những hội riêng với những điều hành đạo hẹp-hòi, những người lập nên các tôn-giáo đều hiềm-nghị oán-ghét nhau, Phật lại coi thế giới là cõi hư-không, nhân vật đều là giả, cao-thượng thay !

Trong khi các nước đều độc ác tham lam, háng mong cướp-giựt đánh-giết nhau, Phật lại bày ra chủ-nghĩa bác-ái từ-bi, bủa khắp đến những động-vật thấp-hèn, cao-thượng thay ! Trong khi nhân-loại chia tách nhau từng đảng, từng phái, làm cho kẻ nghèo-đói yếu-hèn những bị đè-nén mà cảm-tức vô cùng, Phật lại đem giây liên-lạc, tình thân-ái mà giải-thoát ra, lại còn bảo rằng các chúng-sinh đều là đồng-dân nhau, không ai được hơn ai, chỉ khác nhau là những hạng có đạo-đức và tư-tưởng sâu-xa, cao-thượng thay !



Bởi phong-hóa nhà Phật
rất hoàn-toàn cho nên văn-minh nhà
Phật rất vẻ-vang; như bức tranh vẽ trên
tường đây chứng rằng mĩ-thuật rất thần-thình.

Trong khi các đạo tranh dành nhau, ai cũng bảo đạo mình là hoàn toàn, đạo người là thấp-thỏi. ai cũng ghét kẻ khác vì người ta không đồng đạo với mình, Phật lại bảo rằng: « Không nên tưởng và không nên nói đạo mình hơn đạo người. Ai cũng nên tin đạo mình mà không nên chê đạo người. » Cao-thượng thay!

Những tư-tưởng thâm-trầm ấy thâm-nhiễm vào lòng người từ đời này đến đời kia, mà giải bớt sự lăm-lạt cho nhân-loại vậy. Cách nay không bao lâu có một nhà sư bên Nhật vì căm như thế mà thốt rằng: « Phật-giáo sẵn lòng hoang-nghinh những điều cao-trọng, lớn-lao và đích-dáng của các tín-ngưỡng khác, là vì Phật bao giờ ngài cũng lấy sự lành mà công-bố cho đời, bao giờ trong tâm ngài cũng đầy những tín-ngưỡng đại-từ. »

Hồi tưởng lại những cảnh-thế đồng thời với Phật Thích-Ca, rồi suy nghĩ đến chủ-nghĩa của Phật và sự cao-thượng của những điều cải-cách, thì có người ngỡ rằng Phật là một nhà làm cách-mạng về chánh-trị còn nhiều hơn cải-cách về đạo-đức vậy. Bởi nghĩ như thế cho nên trong quan-trừơng ở Đông-pháp ta có nhiều người lấy làm lo về các nhà sư cùng những nhà hoang-nghinh tư-tưởng và vạm-minh bên Phật-học. Có kẻ vì quá nghi mà bả chánh-phủ nên coi chừng những người « bu-địch » vì hạng đó có thể làm cách-mạng theo điệu « Xô-vê »

Hiện thời Phật-giáo không phải là phái cách-mạng, mà ngày xưa ở Ấn-độ, lại còn không phải như vậy nữa. Chẳng qua Phật ngài muốn thay-đổi thời-thế về mặt xã hội và tôn-giáo, chớ nào có muốn đánh-đổ hiến pháp về chánh-trị đâu. Tự bao giờ một cái chánh-thế rất có oai-thế cai trị nước Ấn-độ, dân-chúng những bị sự phân-lách về đảng-phái nó đè nén mà ta-thần vô cùng. Biết đâu trong cảnh-ngộ ấy họ chẳng mong có một vị tiên-thánh ra đời mà tháo cuôi sổ-lồng để giải-thoát cho họ vậy.

Bấy giờ bọn Pà-la-môn mạnh-mẽ hơn hết, choán-cả tôn-giáo, thì họ tha-hồ mà ngan giọc với dân-gian.

Đứng ra gầy dựng nền Phật-giáo, đức Thích Ca muốn cải-cách lại tôn-giáo và tín ngưỡng của chúng-sinh, ngài làm rung-động các hiến-pháp về đạo-đức và thay-đổi lại dạng

giải - thoát cho chúng - sinh. Khi ngài làm thành đạo thì tin-dồ các nước ở Ấn-độ-quốc rất hoang-nghinh. Hơn hết là các nhà vua, các quý-tộc cũng theo, thì bá-tánh tinh nguyện giữ đạo ngày càng đông, cũng là một lối đề họ bớt khổ với những nông-nỗi của bọn Bà-la-môn có quyền-thế kia. Dân-chúng ngày xưa theo Phật, thì có khác nào dân Âu-Châu theo tôn-giáo cải-cách, từ thế-kỷ thứ 16 đề tránh khỏi những hạng quyền - hành !

Nhưng tuần như không bao giờ Phật có ý cải-cách về chánh-trị dẫu. Ngài tuyên-bố chủ-nghĩa bình đẳng bác-ái và từ-bi cho các chúng-sinh. Anh-em dẫu dẫu là chẳng bằng nhau, chẳng yêu nhau, và chẳng trợ-tiếp nhau. Lòng từ-thiện là tánh quý-nhứt mà ngài dạy các tín-dồ, ngài bảo mọi người đều liên-tiếp và tương-trợ nhau, ngài phán với học-trò rằng người ăn-mày khổ hơn hết cũng có thể đứng chung với một ông hoàng. Nhưng không bao giờ ngài thốt ra một câu đề phá trật-tự và giai cấp của nước-nhà. Không bao giờ ngài toan đánh-đổ quyền-thế của phái Bà-la-môn, hoặc của các nhà quý-tộc và các nhà vua. Mà có một điều lạ khi ngài mới bước chơn ra đi hành-đạo, thì không phải những người nghèo-cực, những người hèn-lạ, những người vô-học theo ngài. Những học-trò đầu của ngài toàn là hạng vua-chúa, hạng Bà-la-môn, hạng quý-tộc rất nhiều, có lẽ những hạng này có sẵn học-thức và tư-tưởng, nên rất hoan-nghinh chân-lý của ngài, kể những hạng ấy, thì dân-chúng xin theo, quý-y với ngài mỗi lần đến cả trăm ngàn người.

Lại lúc bấy giờ đức Thích-Ca chưa có ý lập ra một nền tôn-giáo cho người ta thờ. Ngài không bày ra sự cúng-tế, cầu-nguyện chi cả, cũng không bắt ai phải hành thân khổ-xát, không cử ai làm sư trưởng với cuộc tế-lễ và hội-hàng. Đạo ngài lúc ấy là những tư-tưởng về triết-lý đề chỉ rõ cội-nguồn sự khổ với sự hư-không, đề giải-thoát cho người được an-lạc hòa-bình. Ngài không dạy phải thờ-

phượng và cầu-khẩn ai, ngài muốn cho người dưỡng-lành
tu-lâm, tránh khỏi những điều tà-dâm mê-muội, lướt
khỏi những nguyên-nhân của sự khổ và không mê về cái
giả-cảnh của hồng-trần. Phật-học thành ra một nền tôn-giáo là từ khi đức Thích-
Ca về cõi Niết-Bàn. Bọn học-trò bèn bày bố ra những cuộc
tế-lễ phụng-thờ rất phiền-phức vô cùng.

CÁC NGÀI CHUYÊN VỀ NÔNG-NGHỆP

Nên đọc báo

Thần Nông

Mỗi số: 0\$06 su Mỗi năm: 3\$00

Chủ-nhơn:

M. Nguyễn-gia-Huy

93 Bd Carreau

HANOI



Chủ-nghĩa nhà Phật là
lòng từ-bi, ảnh-hưởng rất
sâu-xa về mĩ-thuật, xem tượng Bồ-tát
đây cũng thấy lộ cả tinh-thần nhà Phật.

Phong-hóa nhà Phật

Trong đạo Phật, có nền phong-hóa là đích-đáng lắm. Chẳng phải đích-đáng là vì ngày một bền-chắc và khá thêm, lại là vì một nền luân lý rất nhân-tử, trong sạch và thanh-cao, sống với các tôn-giáo ngày xưa thì không đạo nào ví kiệp. Xét về phần gốc thì luân-ly nhà Phật với luân-ly bên Bà-la-môn giáo không khác bao nhiêu, cũng khuyên làm lành lánh dữ, cũng noi về sự thưởng-phạt và họa-phước vậy. Luân-ly nhà Phật cũng như luân-ly của các dân-tộc văn-minh ở hoàng-cầu. Là vì bất-luận ở chỗ nào, ban đầu luân-ly là những điều đại-khái rất cần yếu cho sự trật-tự trong xã hội. Người ta giữ được phong-hóa là nhờ luật công bình và nhờ tin ở sự thưởng-phạt của trời-đất và thánh-thần. Ai bảo tin ở sự trừng-trị hoặc thăng-thưởng của trời-phật là không có ích cho dân-gian? Lật quyển lịch-sử chung của nhân-loại, về những đoạn chưa có linh-tráng để lo sự trật-tự, chưa có tòa-án để phán-đoán sự công-bình, thì người ta rất kính-sợ trời-phật và thánh-thần. Chẳng những người ta không dám hại lẫn nhau, giành-giữt nhau, vì sợ lưới trời lồng-lọng chớ nào ai có thoát khỏi bao giờ, họ lại giữ luân-ly rất dè-dặt, cố làm lành đừng để trời sẽ ban phúc-hậu cho mình, vì « hoàng-thiên bất-phu hảo-tâm-nhơn » vậy.

Đạo người chưa thiện thì phải tin lấy đấng Phật-trời
Nền luân-ly cấm sự tà dâm, trộm-cướp, cấm chém giết người, cấm sự gian-xảo, lừa-xuốt, cấm việc vu oan giá-họa, chính là cấm những tội lỗi thường xảy ra trong xã-hội vậy. Nếu ai phạm thì làm trái mạng trời-phật thánh-thần, dầu cho kịp đó họ không vướng họa thì đến chết họ cũng không tránh khỏi sự hình phạt rất nặng-nề. Bởi không dám phạm luật Phật-trời, nên con người xử với nhau không tàn-ác, dặt-nước mới được an hòa, vua chúa mới được ngồi yên trên ngôi báu mà trị dân, và bởi cũng sợ phép oai cho nên bày ra cuộc cúng-tế rất linh-dinh, từ đời này qua đến đời kia, càng ngày càng bày-bố thêm rất phiền-phức nhộn-nhận. Tự bao giờ đã quen, thành ra

phong-tục, có ai bơ thờ lạt-lẻo mà trễ nải một vài kỷ thì tức-nhiên người ta bảo nhau rằng người ấy phạm tội khinh-dễ trời phật hoặc một vị thần-thánh nào.

Có chỗ này làm cho đạo Phật khác với các tôn-giáo, là đạo Phật không trọng vi nào làm chúa-tể mà cai-trị hoàn cầu, mà bày ra những luật lệ cho loài người. **Đạo Phật trọng về lòng lành, trọng về sự phải mà thôi.** Người có tư-tưởng về Phật-giáo hiểu rằng không phải vô ý với một vị thánh thần là phạm tội đâu, mà tự mình làm chuyện ác mới thật là phạm tội vậy. Chẳng những họ không nhận rằng thánh-thần chẳng có quyền gì thưởng-phạt người, họ lại còn dám tuyên-bố lên mạnh-mẽ rằng ai làm thì người ấy thọ lấy sự kết quả của mình. Có một nhà giỏi về Phật học nói rằng : « Minh làm ác là tự mình. Minh mang ác lấy mình. Minh không làm ác là tự mình. Minh làm trong-sạch cho mình. Không ai được làm cho kẻ khác trong sạch được. » Hễ có làm ra, tức nhiên có kết-quả vào không chỗ-che được, cũng không cầu khẩn ai chỗ-che cho được. Những tội ác của mình làm, không phải tại nơi cha-mẹ bà-con quen lớn chi cả. Chỉ có một mình mình chịu lấy mà thôi. » Nhà Phật nhận rằng không ai mua tội lỗi của ai được, không ai chia bớt tội lỗi của ai được, cũng không trừ qua sót lại về họa-phước được : làm một việc phước không phải là mua được cái việc ác đã làm ; mình có tội thì phải bị hành-phạt trừ ngay liền kể hễ làm việc đức, dầu là việc nhỏ, đều sẽ được phước luôn. Dầu là một vị tiên thánh, hễ phạm tội thì bị đọa, kể làm được sự phải thì sẽ trở lên cái chỗ ngồi trên thượng-thiên, cái chỗ ngồi ấy cao hay thấp, trước hay là sau là do nơi sự phải họ đã làm. Người ta nói rằng kiếp này mình sanh ra nghèo-khò, đau-dớn, hèn-hạ, là tại những kiếp trước mình phạm tội lỗi đầy-dẫy, còn sự giàu-sang phong-phú, mạnh-khỏe yên-vui là nhờ những kiếp trước mình khéo tu.

Các điều luận này là nói về đạo Phật ngày xưa. Còn đạo Phật ngày nay thì trọng sự tu-niệm lễ-lễ nhiều hơn. Người hành đạo mà sơ sót không cúng-tế, cúng là ra tuần ít kinh-phục các vị Phật, Bồ-tát và La-hán, thì phạm một

tội rất nặng vô cùng. Đạo Phật ngày nay cũng nhận rằng trời-phật thánh-thần có thể châm-chế và trừ bớt những tội-lỗi của mình, mà lại còn có thể rước lấy mà làm cho tiêu mất những tội-lỗi của mình đi.

Những điều răn-cấm ở nhà Phật

Luân-lý nhà Phật rất cấm-nhắc năm điều mà người gọi là « **ngũ-giải-cấm** ». Ai đã phạm một điều trong năm điều ấy, chưa ắt là giữ đạo chân-chính đáng.

Nhà Phật dạy rằng :

1^o/ Không nên giết hại sanh-linh.

2^o/ Không nên trộm cướp, dầu mình đòi cho đến chết cũng đừng nhơ-bợn của người.

3^o/ Không nên tà-dâm, và cũng tránh sự động-tình về hoa nguyệt.

4^o/ Không nên nói láo.

5^o/ Không nên say-sura.

Người hành-đạo mà phạm nhằm « **ngũ-giải** » thì tức-nhiên phạm luôn mười tội-ác, thuộc về hình-thể, thuộc về lời-nói và thuộc về tinh-thần.

Thuộc về hình-thể là phạm những tội ăn-cướp, ăn-trộm, tà-dâm.

Thuộc về lời nói là phạm những tội : láo-xược, vu-oan, thề-thốt và tội đa-ngôn.

Thuộc về tinh-thần là phạm những tội : tham-lam, ganh-ghét và tội giả-tâm với nhà đạo.

Ngoài mười tội lớn ấy, Phật-giáo lại còn bảo rằng những kẻ bòn-sẻn tham-tài, những kẻ bơ-thờ cũng phạm luân-lý, mà phải sa vào địa-ngục.

Luân-lý nhà Phật là một nền luân-lý rất thuần. Người hành-đạo chẳng những là giữ chính không cho phạm đến ngũ-giải, mà lại còn tránh những điều có thể gọi lòng được nữa. Người ta cho rằng chải-chuốt về sự ăn-mặc, ăn-nói không lễ-chính trước hàng phụ-nữ cũng là một việc lỗi ; làm tốt để người xem cũng là ham-mê về sự giàu sang đẹp-đẽ cũng đều là không chính-đáng với kẻ nhà chiến.

Những điều nên làm ở nhà Phật

Người hành-đạo nghiêm-trang chẳng những là tránh cho khỏi phạm đến ngũ-giải, lại còn noi theo đường phải mà cư-xử với mọi người. Nhưng tránh không phạm nhâm ngũ-giải, chưa phải là giải-thoát được đâu. Cái đó là một phần nhỏ trong nền luân-lý nhà Phật, có thể làm cho kiếp tới được thông-thả một ít chút vậy thôi. Giữ kỉ về « ngũ-giải-cấm » là một việc mà nhiều người làm được. Các nhà sư đều làm được, nhưng mình chưa được an-lạc, và chưa dứt với nợ-trần để lướt đến cõi hoàn-toàn. Cho nên người nhà Phật muốn được giải-thoát và về cõi Niết-Bàn thì cần phải làm trọn sáu cái đức quý sau này :

1°/ *Bố-thi* là một cái đức đầu tay và cần nhứt hơn hết. Trong việc bố-thi, có việc phóng-sinh là đáng. Mình phóng-sinh hay là giải-cứu cho nhân-vật khỏi chết, khỏi khổ, là quý lắm. Nếu trong lúc ấy vì lòng từ, không tính đi xét lại, không cân-nhắc sự phúc nó sẽ lại cho mình hoặc kiếp này hay kiếp sau, không xét ai là ai, cứ gặp nạn thì cứu-vớt, thì càng quý hơn. Ấy là điều cao-thượng trong việc phóng-sinh.

2°/ *Giữ-gìn phong-hóa* cho hoàn-toàn. Là thi-hành những điều răn-dạy về luân-lý nhà Phật, và khảo xét cho ra một nền phong-hóa thật văn-vang. Nền cư-xử chân-chính và nghiêm-trang với bốn-đạo và chùa-chiền. Nền dứt bỏ các việc ở trần-gian, dứt bỏ những điều nó làm cho tâm-linh mình luyến-ái với bụi-hồng.

3°/ *Kiên-tâm* là dẫn lòng mà chịu nạn-khổ ở đời. Dầu có bị hành-hà hiếp-đáp mình cũng không đem lòng oán-giận người? Gặp cảnh nào mình cũng nên suy-nghĩ về chuyện phải luôn. Ai cố ý muốn hại, mình cũng không quang-tâm mà đề-hờn chút nào. Dầu người ta đem mà nói với mình những điều mê-tin, những tư-tưởng không hợp với mình, những ý-nghĩa về đạo-đức mơ-hồ thì mình cứ để họ tha-hồ ăn-nói, không cãi lại mà làm gì.

4°/ *Học-đạo* cho cao-xa, vừa suy-nghĩ cho thâm-thúy, thì mình sẽ có yển-sáng của chân-lý trong tinh-thần. Bây giờ không còn sự gì làm cho mình lăm-lặt nữa, không còn

sự gì đánh-đồ được mà làm cho mình bỏ nẻo chánh theo nẻo tà, vì mình đã tầm được đạo rồi.

5./ Giữ *ngộ-lực* cho mạnh-mẽ luôn. Nhờ vậy mà mình sẽ được nhần-nại để tầm chân-lý, dầu gặp sự trở-ngại cũng không rung-chỉ cháng lòng.

6./ Lòng *từ-thiện* làm cho mình cư-xử hiền-lành với các nhân-vật, làm cho mình biết tha-thứ cho người. Dầu họ có hung-dữ bạo tàn mình cứ lấy ân mà trả oán luôn. Bởi vậy cho nên nhà đạo đức cứ quên mình, mà làm việc cho tất cả chúng-sinh, và nhứt là vì lòng từ-bi bác-ái mà ra tay cứu-vớt kẻ đồng-loại ra khỏi bến mê.

Chủ-nghĩa từ-bi bác-ái

Phong-hóa nhà Phật có một cái đức to-tát vinh-vang hơn hết, cao-thượng hơn hết, các đức khác hiệp lại không sánh bằng, là chủ-nghĩa từ-bi vậy. Cái đức-tính ấy nó đủ làm cho nhà đạo-đức thành Phật rồi.

Xét về đạo Phật thì chủ-nghĩa từ-bi thật là bao-la, chính là lòng thương tất cả muôn loại vậy. Nhà sư từ-bi thì làm phước, bố-thí và cứu-nạn cứu-khổ luôn.

Chủ-nghĩa từ-bi không phải là cư-xử riêng với nhân-loại mà thôi, lại còn cứu-vớt các loài có sinh-mạng, cho đến hạng trùng để cũng không bỏ qua nửa. Vì trong kinh Karma có nói rằng : « Loài vật dầu khổn-nạn nhỏ-nhít đến đâu, nhưng cũng sống như người, cũng là anh-em với người. Đây rồi chúng nó lần-lần, kiếp này sang kiếp kia, có thuở sẽ đầu-thai làm người. Hoặc-giả biết đầu những kiếp trước chúng nó cũng làm người, nhưng vì vụng tu mà phạm tội, nên phải đội lốt trùng-để để đền bù. Ta phải thương các loài-vật, tránh cho khéo kẻo vô-ý mà hại mạng chúng nó đi. Một chút đồ ăn thừa cũng đủ cho chúng nó sống thêm một đôi ngày, một chỗ nhỏ-nhít trong xó-góc cũng đủ làm cho chúng nó khỏi chết ngoài trời.

Nhiều nhà đạo-đức nói rằng Phật Bồ-tát và các vị La-hán có thể nghe hiểu tiếng của các nhân-vật, dầu phải dọa ở địa-ngục mà muốn cứu-vớt thì Phật cũng nghe và đến giải-thoát cho.

Đã là nhà đạo-đức thì nên chỉ nẻo phải, dẹp đường tà

và đem những chân-lý cùng là gương tốt của nhà Phật mà dạy chúng-sinh, nghĩa là làm cho đâu đó đều bỏ tà qui chánh đề tâm đường ngay. Người hành-đạo phải giữ cho kiên-nhẫn và từ-thiện luôn, đi đến đâu cũng lấy ân mà trả oán. Dẫu bị ai bực-dãi, cười chê, đánh-dập, bao giờ cũng thanh-tĩnh luôn, không giận, không hờn, cứ tha thứ và đem chân-lý mà chói sáng trước mắt tối-tâm của họ luôn.

Không nên vì nghĩa-vụ bao-la mà chán-ngán, lại cứ tấn-tối trên đường phải luôn. Tuy là khó-nhọc hiểm-nguy mà mình càng đi tới trên-đường đạo, mình tự giải-thoát cho mình, mình lại được cứu-vớt cho chúng-sinh luôn.

Nhà hành-đạo mà theo chủ-nghĩa từ-bi thì lo gì chẳng đến cõi Niết-Bàn, và trong nền đạo-đức, có người hoàn-toàn thì lo gì chẳng cứu-nhân độ-thế một cách vẹn-vang. Trong kinh-sách về Phật-học, từ-bi bác-ái là một đạo-đức rất lớn-lao trong nền tôn-giáo. Bởi chủ-nghĩa từ-bi là long-trọng, cho nên người ta chia nhà đạo-đức ra làm hai hạng. Một hạng hiểu đạo rất cao-xa, nhưng vẫn là duy-kỷ, chỉ lo giải-thoát cho mình chớ không màng gì đến sự cứu-vớt chúng-sinh. Còn một hạng nữa, rất *đích-đóng lòng Phật*, đem đạo-lý ra mà dạy cho toàn cầu, không quảng gì đến sự gay-go, đem cả tâm-chi mình ra để cứu cho nhơn-loại khỏi luật luân-hồi.

Chủ-nghĩa từ bi là cao-thượng hơn các đạo-đức khác. Giữ lòng từ-bi cứu-thế cũng còn hơn là thông hiểu và tin-tưởng về Phật-giáo nữa. Người ta nói, tuy đức Bà-la-môn tự-cao mà xưng rằng mình chúa-tể các nhơn-vật, tuy đức Bà-la-môn không hiểu nguồn đạo, nhưng ngài choán được một ngôi cao hơn các thánh-thần, vì trong những muôn ngàn kiếp trước, ngài cứu-vớt biết bao sanh-linh, bố-thi biết bao kẻ nghèo, và dạy đạo biết bao kẻ dốt nát tối-tâm.

Chủ-nghĩa từ-bi bác-ái bao-la không có giải-hạn, cho đến liêu thân mà cứu người thì cũng liêu chớ không biết tiết là gì. Ta xem gương Phật Thích-Ca là thấy rõ ràng, kinh nhà Phật nói rằng đức Thích-Ca đầu thai trên năm trăm kiếp, cứ cứu-nhân độ-thế luôn, mỗi kiếp đều

giải-thoát cho nhiều nhân-vật, và không kể đến mình. Lúc ngài làm chúa loài tượng, một hôm bị anh thợ-săn bắn nhầm, chẳng những ngài không trả-thù, bèn tự mình bẻ lấy ngà mà cho kẻ săn. Khi ngài đầu-thai làm dê rừng, gặp lúc nắng-hạn thất mùa, suối không nước, cây không trái không hoa, thấy ông bụt kia đói toan bỏ nơi yên-tĩnh mà trở về thị-thiền, ngài bèn nhúm lửa rồi tự mình nhảy vào để dung thịt cho ông bụt ăn. Có một kíp ngài làm khi, một hôm bị kẻ ác ném đá bể trán, nhưng ngài không cố-oán, bèn dắt đường cho kẻ ấy ra khỏi rừng sâu. Lại một khi làm chúa loài vượn, gặp cơn nước lụt, ngài bèn liềm mình đứng chịu làm cầu mà cứu cho cả bầy.

Một kíp kia ngài làm nai, một hôm thấy con nai cái với con đực đều bị nạn, ngài bèn chạy ra thế mạng mà cứu lấy hai mẹ con. Khi ngài làm chúa loài mang, bị thợ-săn rượt, vùng thấy thợ-săn té xuống vực-sâu, sắp trôi theo nguồn nước mạnh, ngài liền lại vớt lên mà cứu lấy kẻ muốn hại mạng mình. Làm chúa loài gấu, ngài có sẵn sóc một người bộ-hành lạc đường, nuôi dưỡng rất kĩ-cang và dắt đem ra đường mòn. Người ấy liền lấy ân làm oán, bèn dắt bọn thợ-săn lại giết ngay. Ngài không chống cự, cứ nạp mạng và tha-thứ cho người.

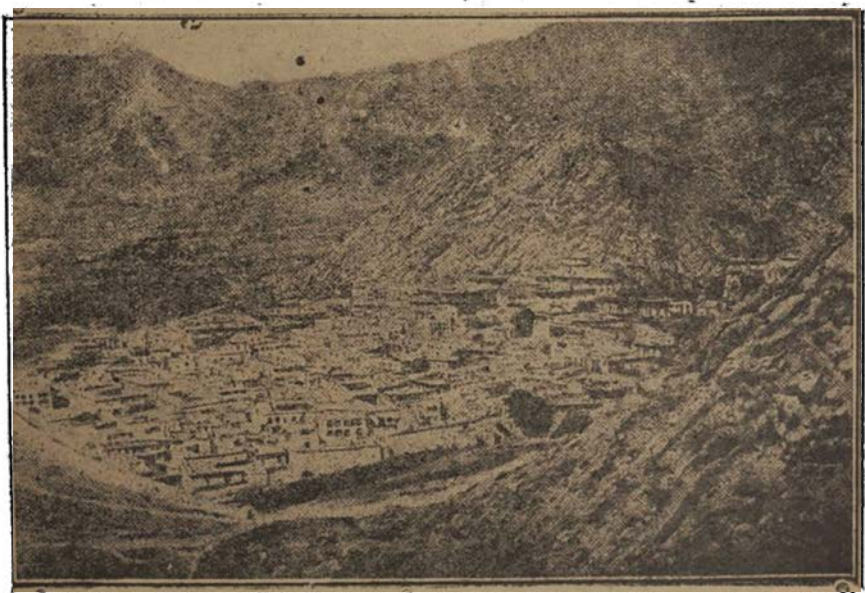
Một lúc kia, làm một ông hoàng, ngài từ-thiện cho đến đời không biết hẹp dạ với ai. Cửa-cải vòng-vàng bao nhiêu đều đem ra bố-thí, cho đến vua cha quở và đầy đi, thì áo-quần xe-cộ cũng bố-thí luôn, rồi đến con đến vợ ngài cũng đem cho người.

Mãi clio đến kíp chót đầu-thay vào dòng Thích-Ca, ngài cũng từ-thiện luôn. Dem thân lên rừng xanh núi đỏ tu-luyện và tầm được đạo, ngài chưa chịu về hưởng sự an-lạc ở cõi Niết-Bàn, ngài lại đi cứu-vớt chúng-sinh, đi dạy đạo-lý cho người mà dắt ra khỏi biển trầm-luân.

Ấy chủ-nghĩa từ-thiện của nhà Phật là một nền bác-ái rất hoàn-toàn tự-cổ chí-kim xét không tồn-giáo nào sánh kíp.



**Đền vua bên Tây-Tạng vừa văn - vang về tôn - giáo
mĩ-thuật, vừa oai-nghiêm về tinh-thể nhà binh.**



**Một nhà chùa lớn nhất ở gần kinh-dô Tây-Tạng,
vừa là thị-tứ với cả muôn người, vừa là
nhà chiến, vừa là đồn-lũy với binh-gia.**

ĐẠO PHẬT Ở Á-ĐÔNG

Phật-giáo ở Ấn-độ

Phật-giáo phát-nguyên ở Ấn-độ, nhà đạo-đức Thích-Ca cũng khởi sự hành-đạo ở Ấn-độ. Ở giữa phong-trào eo-ngắt, xã-hội bị chia phân đẳng-cấp, mà có nhà quân-tử ra đề giải-thoát cho về tinh-thần, thì ai chẳng tinh-nguyện xin theo ? Bởi vậy cho nên nhà truyền-bá tư-tưởng kia đi đến đâu, thì thiên-hạ theo đến đó. Từ ngày Thích-Ca thành Phật rồi, khởi sự đi giảng đạo-lý cho chúng-sinh thì số học-trò ngày một thêm đông. Lại nhờ ngài đi từng tỉnh, từng xứ, đến đâu cũng mở ra cuộc diễn về đạo-nghĩa, cho nên bá-lánh rất hoan-nginh. Lại từ đó đến sau, có nhiều vua-chúa thích-hợp với chủ-nghĩa đại-từ, bèn theo Phật-giáo và sẵn lòng tán-trợ cho một cách mạnh-mẽ vô cùng.

Nhờ vậy mà dân chúng kéo nhau theo đạo Phật, vua vì lòng từ mà theo, thì dân lại vì chủ-nghĩa công-bằng và huynh-đệ với nhau nên chẳng bao lâu mà cả nước Ấn-độ đều thờ chung Phật-giáo.

Qua đến đời vua A-dục (Açoka) thì đạo Phật thanh-hành đến cực-diểm. Nhà vua có tiếng là người hiểu rõ đạo-lý, và tin Phật-giáo vô cùng. Ngài binh-vực đạo Phật, tán-trợ cho bôn-đạo, tiếp giúp cho các nhà sư. Ngài có một công-chúa và một hoàng-ử, đều bảo con vào đạo Phật, và phái qua xứ Ceylan để truyền Phật-giáo cho chúng-sinh.

Sau đời vua A-dục thì con cháu cũng còn hoan-nginh đạo Phật. Vài trăm năm sau, có một người cháu vua A-dục làm vua ở xứ Kachemir, bèn đem đạo Phật về truyền trong xứ. Ấy là nhằm vào giữa thế-kỷ đầu của dương-lịch vậy.

Lần-lần năm ba trăm năm sau, đạo Phật bớt thanh ở Ấn-độ quốc. Các vua quan không thích với chủ-nghĩa đồng giai-cấp, họ không muốn nhận rằng người ăn-xin được ngồi gần với ông but, như là họ kích-bất cái lối tự-do mà

anh thợ cao hèn - mặt kia lại đứng ngang với ông hoàng.

Trong khi đạo Phật thịnh thì Bà-la-môn giáo cũng không lu, dẫu-phái cùng các nhà sư bên ấy toàn là người có thế-lực với việc chánh-trị trong nước, họ đâu có để cho một đạo khác được bành-trướng lên mạnh-mẽ mà đánh-đổ họ đâu. Họ rất oán Phật-giáo làm cho giảm oai-quyền của họ đi, mà để cho dân-chúng được tha-hồ đi đứng trước mặt họ là những ông trời con từ xưa. Có một lúc kia một nhà vua vì sự thù mất thế-lực ấy mà hành-phạt những nhà hoang-nghinh đạo Phật, mà hành-khổ các nhà sư.

Ấy cũng nhờ chủ-nghĩa cao-thượng và bình-dẳng kia mà ngày xưa Phật-giáo dấy thịnh-hành trên Ấn-độ quốc, mà cũng bởi cái chủ-nghĩa cao-thượng từ-bi và bình-dẳng giai-cấp ấy mà đạo Phật không còn bao nhiêu dấu-tích ở Ấn-độ vậy.

Bởi không chịu nổi với cảnh-thế ấy, cho nên tín-dồ nhà Phật bèn đi truyền đạo ra các nước ngoài. Mà trong khi sang các nước láng-giềng thì các vua-chúa cũng rất hoang-nghinh. Bởi ảnh-hưởng Phật-giáo ở nước ngoài rất mạnh cho nên phần đông nhà sư dốc lòng lướt bao nhiêu sự khổ-cực mà vào Ấn-độ và qua Tây-Tạng vậy. Như năm 629 thì một nhà sư người Tàu là Huyền-Trang, lại Ấn-độ và Tây-Tạng để khảo rõ đạo-lý nhà Phật, và có viếng các nơi mà đức Thích-Ca ngồi thuyết - pháp cho tín-dồ. Nhưng tiết rằng lúc Huyền-Trang vào đến Ấn-độ, ảnh-hưởng nhà Phật không còn bao nhiêu, nhà sư đi ra ngoài, còn nhà chúa thì lạnh-lẽo thờ-ơ. Qua đến thế-kỷ thứ 11, đạo Phật không còn dấu gì nữa trên nước Ấn-độ.

Một nền tôn-giáo thịnh-hành ở Ấn-độ trên một ngàn rưỡi năm, rồi lại nghiêng-ngã đi, ấy chẳng là một việc rất kỳ cho nhà thức-giả sao ? Nguyên-nhân là từ đâu ! Hay là bị quyền áp-chế của bọn Bà-la-môn giáo ư ? Có lẽ như thế ! Các nhà sư Phật-giáo đều từ-bi, còn phái Bà-la-môn là lấy thế-lực đề đề, thì đề nào mà chịu được cho ? Như

lỗi 222 năm trước J. C. thì nhà vua hành-hà các tin-đồ nhà Phật, hành-hà một cách rất hung-ác bạo-lãng.

Nhưng bao giờ có nhân-vật nào vui-lấp tư-tướng chính-đáng của một nền đạo-lý đâu! Chủ-nghĩa cứu-nhân độ-thế của nhà Phật không may mà ở lại dãi-nước nhà, nhưng cũng may mà ảnh-hưởng cho các nước láng giềng trên cõi Á-Đông, như là có ảnh-hưởng bền-chặt ở những nước rất gần là nước Tây-Tạng, Ceylan, Tàu, Nhật và Đông-Pháp.

THUỐC “ NAM - HỒNG - TÊ ”

N° 6 — RUE JEAN MONLAÛ, SAIGON

Thuốc này chủ-trị các thứ bệnh sau này : « Nóng lạnh, ho, ban của, lưỡi trắng, các thứ ban, kiết, bốn huất đường



dại và tiểu tiện, đau bụng, ăn ngũ không ngon, ít máu xanh xao. Dân - bà đường kinh-nguyệt không đều. Có thai nên dùng mà đường thai. Con nít bị cam-tích, đau bụng sần và lã.

Nếu quý ông, quý bà muốn khỏi mua lầm thuốc giả-mạo, thì xin dời gót ngọc đến nhà tôi số 6, đường Jean Monlaü, Saigon, thì có thuốc « NAM-HỒNG-TÊ » sẵn sàng.

Còn ở xa, xin gửi thơ cho tôi thì tôi sẽ gửi thuốc theo

cách lãnh-hóa-giao-ngân (contre-remboursement).

Đề thơ như vậy : M. J. THẠNH

6, rue J. Monlaü. — SAIGON

Giá thuốc Nam-Hồng-Tê 1 gói 4 cắc, 6 gói 2 \$; 13 gói 4 \$, 27 gói 8 \$. 42 gói 12 \$. — Từ 16 đồng sắp lên mỗi 4 \$ đựng 15 gói. Mua nhiều tính giá riêng.



Hiện nay ở Tây-Tạng Lạt-ma
giáo là mạnh, mà nhà vua là người
trên trước, bá tánh đều gọi là Phật sống.
Khắp hoàng-cầu chỉ ở Tây-Tạng là Phật-giáo được
chánh-phủ trông-nom, vì Tây-Tạng được tự-trị,
khỏi quyền nước Anh là nhờ văn-minh nhà Phật vậy

Đạo Phật bên Tây-Tạng

Đức Thích-Ca tuy sanh ở Tây-Tạng, nhưng nhằm chỗ giáp-giới với Ấn-độ. Ngày xưa xứ Tây-Tạng thọ ảnh hưởng của Ấn-độ rất nhiều; và bên Ấn-độ có nhiều thị-từ văn-vang, phong-tục văn-minh hơn, cho nên lúc ngài hành-đạo thì đi trong nhiều xứ bên Ấn-độ. Bénarès và nhiều thành khác ngày nay vẫn còn, với dấu-tích những nền văn-minh cổ, là những chỗ ngài thường ngồi mà thuyết pháp với tín-đồ. Thành Kapilavastou là chỗ Thích-Ca sinh-đẻ bây giờ không còn. Kapilavastou thuộc về xứ Tây-Tạng, rất gần-gũi với Ấn-độ.

Một ngàn năm trăm năm sau, Phật-giáo không còn tín-đồ ở Ấn-độ, bên ảnh-hưởng lại Tây-Tạng đến bây giờ. Ở Tây-Tạng, có kinh thành Lhassa và gần đó có nhiều chùa to lớn hơn hết ở Á-Đông. Một vài nhà chùa có cả muôn tín-đồ. Trong chùa có đủ lương-thực quân-binh, có đủ lương-y, đốc-học, hiến-pháp rất nghiêm-trang hoàn-toàn. Tuy lo về đạo-đức, chứ ở Tây-Tạng, phái thầy tu có quyền vào cuộc chính-trị nước-nhà. Cho đến vua cũng là một vị Phật đầu-thai, dân-gian gọi là Phật sống; tuy vua lo cuộc trị quốc, chứ mỗi việc trọng-hệ đều phải bàn lại với nhà sư. Lại ở các tỉnh các quan trấn cũng thuộc về nhà sư luôn. Trong xứ hạng này có học-thức rộng, có chức-nghiệp lớn, thì có ảnh-hưởng lớn với sự trật-tự ở nước-nhà...

Hồi nước Ấn-độ đương thịnh-hành về Phật-giáo, Tây-Tạng vẫn còn lồi-thối. Hồi Ấn-độ nhờ văn-minh nhà Phật mà được văn-vang, thì bên Tây-Tạng, dân-chúng chưa có tôn-giáo thâm-trầm. Người ta rất kính trọng thánh-thần, dầu là hung-thần ác-quỉ, dân-gian cũng không dám bỏ qua. Người ta còn mê-tin dị-đoan lắm. Trình-độ văn-học-hội, mỗi kỳ Tây-Tạng phải nạp cống-lễ cho Tàu, bằng thiết và bằng vàng bạc, vì người Tây-Tạng bấy giờ có tài khai mỏ kim.

Bởi phong-tục và tín-ngưỡng còn mơ-hồ, cho nên khi có những nhà truyền đạo Thích vào với đạo-lý thâm-trầm, thì người ta ham-mộ biết chừng nào. Đạo Phật vào nước

Tây-Tạng rất may-mắn và dễ-dàng. Sử Tây-Tạng còn ghi rằng 137 năm trước J. C., có một lần Phật giáo sắp truyền bá vào, nhưng dân-chúng còn lạt-lẽo thờ-ơ. Bấy giờ mới cất xong một cảnh chùa, nhưng vì người ta chưa mê, chưa dứt với phong-tục mê-tín, nên công-cuộc không thành, kể tới năm 371, có năm nhà truyền đạo lại vào Tây-Tạng, dọn đạo-lý lại cho thích-hợp với nhân-dân, và làm cho vua hoang-nghinh chủ-nghĩa từ-bi bác-ái. Kỳ này cũng chưa mấy kết-quả, hạng bình-dân cũng chưa theo hao nhiều. Rồi đến thế-kỷ thứ 7, vua Tây-Tạng rất chuộng Phật-giáo, bèn phái sứ sang Ấn-độ khảo về Phật-học và thỉnh kinh. Người ta nói rằng nhà vua năm thấy Bồ-tát Avalokitêvara (có người kêu là phật-bà Quan-Âm) ứng mộng cho, nên dốc lòng theo đạo từ-bi. Vua có hai người vợ đều tu đắc-đạo, về sau vua và hai bà hoàng-hậu đều thành Phật; các chùa bên Tây-Tạng đều có thờ. Nhờ lúc này nên đạo Phật thanh ở nước Tây-Tạng, với nhiều nhà hành-đạo nghiêm-trang. Bấy giờ Tây-Tạng chịu ảnh-hưởng văn-minh nhà Phật nên học-thuật và đạo-lý được mở mang.

Nhưng vì muốn cho dân-gian hoang-nghinh Phật-giáo, những nhà truyền-đạo mới bày-bố ra nhiều sự mê-tín để lừa. Họ lại còn pha-trộn với tín-ngưỡng của thổ-dân, nên chẳng riêng gì ở Tây-Tạng mà tất-cả Á-Đông, đạo Phật ngày một lạt-lầm với nhiều lý-thuyết mộng-mị mơ-hồ.

Vào thế-kỷ 14, một nhà sư đứng ra cải-cách cho nền Phật-giáo. Ngài tên là Tsong-khapa, quê ở tỉnh Am-đô, giáp ranh với nước Tàu. Bởi thấy tình-hình nhà Phật bị lắm sự mê-mùi dị-đoan làm cho mờ-ám đi, nên ngài tự mình đã tìm lại đạo, quyết ra dắt-dẫn cho người. Bấy giờ dân-chúng thấy ngài đạt được nhiều điều huyền-hích, thấy ngài có trí-tưởng cao-sâu, nên rủ nhau cải-cách đạo Phật theo tư-tưởng của ngài. Người Tây-Tạng và người Mông-cổ đều nói rằng ấy là đức Thích-Ca đầu-thai lại vào ngài, đang gây dựng lại nền đạo-đức ở Tây-Tạng.

Lúc nhỏ ngài có học đạo ở tại trường lớn ở Sakya, Brikhung và Lhassa. Ngài thấy lối hành-đạo đương-thời rất trái-hắn với chân-lý, bèn nhứt-định đánh-phá những

lối mê-tín dị đoan. Ngài khuyên kẻ nhà chiến nên ăn ở trong-sạch và tránh cuộc giá-thê, kích-bát những việc thờ-phượng ma-quỉ và tế-lễ thánh thần, không cho bày-bố những điều tà-mị thấp-hèn. Người ta nghe theo ; kẻ tin-đồ rất nhiều, cùng nhau bèn dùng áo và mũ sắc vàng, dặng phân biệt với bọn kia là áo-mũ sắc đỏ vậy. Qua năm 1109



Chùa Lạt-ma cũng về Phật-giáo, nhưng trật-tự khác với các nước Viêng - Đông.

ngài lập ở Lhassa một cảnh-chùa to-tát là chùa Ganden. Kế tin-đồ càng đông, ngài phải cất thêm hai nhà chùa nữa ở Drépung và Séra. Lúc ngài về cõi Niết-Bàn thì ba nhà chùa ấy chung lại là 30 ngàn tăng đồ.

Lúc trước nhà sư ở Tây-Tạng theo về phái Đại-thừa, thờ các Phật và Bồ Tát với La-Hán. nhưng họ xen vào thánh-thần trong xứ, và cũng thờ luôn các hung-thần nữa. Về sự thờ-phượng thần-tiên quỉ-mị thì dân-chúng rất thích-hạp. Cùng nhau trọng phù-phép, đồng-thiệp, bóng-chàng một cách rất mơ hồ như dân-tộc đơn-sơ.

Nhà vua chia các nhà sư theo hạng khác nhau tùy theo đạo-lý cao-thấp. Mỗi chùa trên trước có một vị sư trưởng. Chùa tự do với nhà sư-trưởng, sư nào có quyền ở chùa nấy. Nhưng tăng chúng đã lật đạo-lý của đức Thích-Ca và tín-đồ của ngài. Họ không còn giữ cho trong sạch, họ cứ bân-biêu với đoàn thể-nhi luôn, phần đông đều lộn-xộn với vợ-con mà không có tâm-đạo. Họ không chịu dứt bỏ cái nghèo, có nhiều nhà chùa giàu-có vô cùng. Họ không còn tư-tưởng về đạo bao nhiêu, mà trong Phật-giáo thì nhờ tư-tưởng nên người lầm ra chơn-lý. Đã đem thân gởi vào cửa Không, mà lắm người còn ham chải-chuốt se sua. Những kỳ cúng Phật là những dịp xa-xỉ vui chơi, cùng nhau hát-xướng tưng-bừng; cho đến mấy nhà sư cũng ra làm tuồng để công-chúng xem. Lại còn một điều tệ nữa là thay vì dễ tâm vào đạo, họ bèn chuyên về phù-phép, nào là ếm-quỉ trừ-tà, nào là vẽ bùa văn niệt, nào là xem vận-mạng, đoán thiên cơ, họ dùng trăm ngàn chước mà làm mê-mụ lòng người để thủ lợi cho nhiều.

Việc cải-cách của đức Tsong-Khapa là đánh đổ những điều tồi tệ ấy. Ngài giảm đi được khá nhiều, nhưng không bao lâu thì các thói dị-đoan cũng trở lại như xưa. Đến nay tình-hình mờ-mịt của nhà Phật bên Tây-Tạng không kém gì vào thế kỷ thứ 14 đó. Bây giờ các chùa cũng cứ thủ-lợi và chuyên các lối dị-đoan.

Sự cải-cách của ngài tuy vậy cũng còn ảnh-hưởng, là trật-tự và hàng phẩm trong chùa nhờ ngài mà được nghiêm-trang và có thứ lớp. Ngài sinh-liên cai-trị chùa Ganden, là một nhà chùa lớn hơn hết trong nước, và ngài cũng là một nhà sư lớn chức hơn hết. Ngài về cõi Niết-Bàn, chọn người đồ-đệ đáng hơn hết, cai-quản chùa và các tăng. Ông này bèn lập ra « Lạt-ma giáo », cũng về đạo Phật, nhưng sự trật-tự có riêng và khác hơn các nước ở Viễn-Đông.

Ấy là một hội mạnh-mẽ của các nhà tăng có đạo-đức, trên hết là nhà vua. Bên Tây-Tạng người ta cho rằng nhà vua là người có đức lớn và công-nghiệp cao-cả hơn hết, là vị Bồ-tát Avalokitêvara đầu-thai vào, chính là Phật

sống vậy. Ngôi vua bên Tây-Tạng không có truyền nối chớ ai. Mỗi khi vua gần thăng-hà thì cho biết trước rằng mình đầu-thai vào nhà nào. Rồi đó vua băng, hội Lạt-ma bèn đi thỉnh ấu-chúa về và giao quyền thiên-tử liền. Bởi người Tây-Tạng là một dân-tộc rất mê-tín, các nhà sư họ khéo



Thầy tu càng ngày càng chuyên về phù-phép, nhứt là
doán số-mạng, có khi họ nói rất linh mà
lắm người lại định trật-lất !

lợi-dụng, nói rằng vua và mấy nhà sư-trưởng gốc Phật
đầu-thai, chẳng qua là để nắm giữ cuộc trị-an cho dễ-
dàng. Vì dân sợ lệnh vua với các nhà sư, hoặc ở nhà chùa
hoặc ra làm quan, thì họ không dám làm điều lỗi-thời, họ
cứ tin theo lệnh vua và tăng-chúng luôn.

(Vị nào muốn rõ đạo Lạt-ma ở Tây-Tạng thì nên coi kỹ cuộc
« Du-lịch xứ Phật » xuất bản trước cuốn này)





Dạo Phật ở Tàu gốc bên Ấn-Độ và Tây-Tạng, lại cũng
thuộc về phái Đại-thừa. Về mĩ-thuật thì Tàu
giống Tây-Tạng nhiều lắm, như tượng
Phật này gốc ở Tây-Tạng mà nhiều
chùa bên Tàu đều có thờ.

Phật-giáo ở nước Tàu

Dương hời đạo Phật thanh hành ở Ấn-độ, chính là vào đời vua A-dục, thì mấy nhà truyền-bá tư-tưởng đã kéo nhau đi hành-đạo ra ngoài. Với chủ nghĩa cứu-nhân độ-thế, dần có gặp phải bao nhiêu sự trở-nguy, dần có hi-sinh tánh mạng thì nhà đạo đức nào có lo-ngại chút nào, nhưt là các nhà từ-bi về đạo Thích vậy. Mấy nhà truyền đạo bắt đầu vào nước Tàu trên hai trăm năm trước dương lịch, Nước Tàu đầu gần với Ấn độ, nhưng bắt từ kinh-dô bên này mà sang kinh thành trung-ương của quê-hương Lão-tử với Khổng-tử thì đường sá biết bao là nhọc-nhân.

Có người nói rằng nếu hẳn là thanh-tâm truyền đạo thì họa may còn tới được, chớ những người kém đức thì ra chưa khỏi ranh đã bị ác-thú hoặc cường-dồ giết thác, hay là sa hăm-hổ, bị ghệt nơi đồng cát khô-khại mà bỏ mạng theo đường. Về sau bên Trung-nguyên sang Ấn-độ cũng thế, ngoài ra những nhà từ-bi đạo-dec như thầy Tam-Tạn với một ít người, thì không ai qua Tây-phương để thỉnh kinh viếng Phật được.

Mấy nhà truyền đạo Ấn-độ đã dư hiểu rằng nước Tàu vĩ-đại kia cũng văn-minh như mình, cũng có nền đạo-dec và học-thuật cao, cũng có lắm nhà triết-lý tài-ba lỗi-lạc. Họ biết về tinh-thần thì nước Tàu đáng phục, mà về hình-thể là một nước giàu, canh-nông thương-mãi và công-nghệ rất hoàn-toàn. Tuy vậy mà nước Tàu chưa hưởng được văn-minh và đạo-lý nhà Phật, họ bèn nhưt-định qua đó để truyền-bá chủ-nghĩa từ-bi và cứu-vớt sanh-linh khỏi nơi khổ-hải.

Vì sự cao-thượng ấy mà họ đi truyền đạo, vì muốn đem đuốc từ-bi soi-sáng cho loài-người, cho nên họ chẳng quảng-nông-nổi trên đường, quyết thi-hành theo đạo-lý của Phật-tổ vậy.

Nhưng kỳ ấy không thành, tuần như họ bị tin-dồ của Đạo-giáo và Nho giáo kích-bát dữ-dội lắm. Họ khuyên được nhiều người vào đạo, nhưng bọn kia quyết đánh-đổ thẳng tay, bèn tâu với vua rằng đạo Thích truyền-bá qua nước Tàu sẽ làm mất cuộc trị-an với cái lối tự-do độc-lập

Phương mà thỉnh-kinh rước Phật. Ở thế-kỷ thứ tư có thầy Fa-hian qua tìm được đạo và thỉnh về trọn bộ kinh Luật-Tân. Thế-kỷ thứ sáu có thầy Sung-Yun cũng qua được Tây-phương và về truyền đạo cho đồng-bào. Một trăm năm sau nhằm thế kỷ thứ 7, một nhà sư có đức lớn là thầy Huyền-Trang tức là Tam-Tạng cũng qua Tây-phương. Thầy Tam-Tạng có viếng các chùa có danh, các sư có tiếng, và đem về nước đến 700 pho kinh. Tự tay thầy dịch được 650 pho, và thầy có thể không dám dịch sai một câu. Trước khi dịch sách thầy Tam-Tạng có nguyện rằng : « Kinh là việc khó thứ nhất, người kém đạo không mong dịch được. Ta quyết dịch không dám bỏ sót nghĩa. Nếu phải phạm vào tội ấy, xin cho lúc chết thì lưới thúi liền. » Thầy Tam-Tạng thác, người ta vạch lưới thấy đồ tợ hoasen. Từ đó cho đến thế-kỷ 13, đạo Phật ở Tàu thanh hành lắm. Nhưng về sau, tăng-chúng họ lêu-lững đi, mất lòng sốt-sắng về đạo, họ lại tin sự dị đoan, nhất là họ trở nên ngu-dốt lắm, họ bèn làm nghề thầy chùa chớ không hiểu việc tu.

Qua cuối thế-kỷ 15, Phật-giáo thanh lại, là nhờ có mấy vị sư Lạt-ma bên Tây-Tạng qua ở tại Bắc-kinh. Họ bèn sửa đạo lại, sắp đặt lại, và bỏ bớt những việc mê-tín thấp-hèn.

Đạo Phật ở nước Tàu cũng như ở Tây-Tạng, thuộc về phái Đại-thừa. Nhưng người ta cũng xen thánh-thần trong nước chung với nhau. Cho nên tuy là Phật-giáo mà lộn-lạo với Không-giáo, nhất là trộn-trạo với Lão-giáo cùng các cuộc tế-lễ rình-rang. Tăng-chúng rất mê mui, vừa niệm kinh mà không hiểu nghĩa vừa chuyên về phép phù. Ngoài ra mấy nhà sư Lạt-ma là có đạo-dec và học-thuat cao, mấy lão-tăng chệt, mấy lão hòa-thượng phần đông đều là hạng dốt-nát dị đoan, không hiểu đạo-lý là gì.

Các chùa đều có thờ chư Phật, Bồ-Tát, La-Hán, về phái Đại-thừa. Phật Di-Dà, Phật Thích-Ca, Phật Di-Lạc... Chùa nào cũng có thờ Bồ-Tát Avalokiteçavara, hay là Phật-bà Quan-Âm, vì là một đức đại-từ, đại-bi, cứu-khổ, cứu-nạn o-lắng cho những gia-đình có vợ-hiền con-thảo.

Người ta không hiểu chắc nước Tàu có bao nhiêu tín đồ Phật-giáo, kể thì nói 300 triệu, người thì nói 4, 5 chục triệu. Phần chắc thì mỗi người đều có tín-ngưỡng về đạo Phật, và tăng chúng rất ảnh-hưởng cho nhân-dân. Đau thì đến chùa lạy Phật cho lành, cầu-nguyện việc phúc là đến chùa, nhứt là về tang-khó thì có mấy ông thầy chùa tụng kinh cầu cho linh-hồn siêu-độ. Ở nước Tàu phía trên, với miệt Mãn-Châu, Mông-Cổ thì dân-chúng phần đông theo đạo nhiều.

Hãy nghe

những

đĩa

điện



AN-LO-MAN

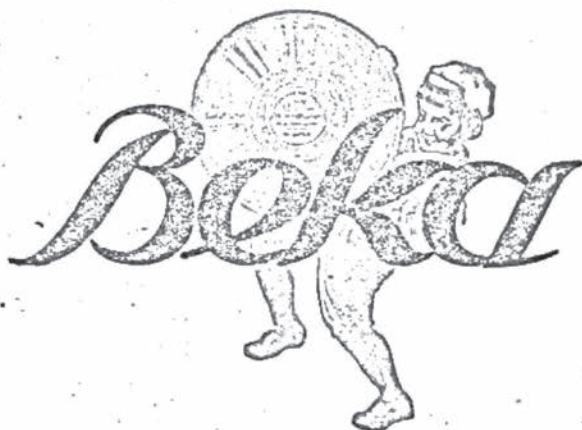


xin

catalogue.

Đủ thứ
tiếng nói.

Đại-lý :



S^{ie} INDOCHINOISE D'IMPORTATION

59, Boulevard Charner Saigon

CẢI-LƯƠNG

Bạn Phước-Cương

« Cộ ba Xuân

« Tân-Thịnh

« Phước-Tường

Hát bộ:

Bạn Vạn-Thành-Ban



Cải lương

Cao-Miên

«

Bắc-Kỳ

«

Trung-Kỳ

Ca

Nhà trò

Đĩa hát và dờn tây "Parlophone"

Hãy dùng kim **BÉKA** điện mà chơi đĩa thì không mòn đĩa

Phật-giáo ở đảo Ceylan, ở Xiêm và ở Miêng-Điện

Mấy xứ Ceylan, Xiêm, Cao-mên, Miêng-Điện, đều thuộc về đạo Phật phái Tiểu-thừa, hay là đạo Phật miền Nam. Trong mấy xứ này, có đảo Ceylan bây giờ còn giữ đạo chính chấn hơn hết. Kinh Phật còn chép rằng Phật-giáo ở Ấn-độ truyền qua đảo Ceylan là nhằm đời vua A-duc. Hoàng-tử con vua A-duc là Mahindra sang Ceylan, đem theo một cành Bồ-đề. Ấy là dấu-tích của đức Thích-Ca hồi tầm được đạo, ngồi ngồi tư-tưởng dưới cây Bồ-đề. Hoàng-tử cũng có đem qua mấy tạng kinh bằng chữ Pali, rồi mới dời mấy nhà sư có danh đến mà dịch theo tiếng trong xứ.

Đạo-lý nhà Phật ở Ceylan không phải như ở các nước Viễn-Dông. Nguồn-đạo không sai lệch, sự hành-đạo không lộn-lầm. Ở đảo Ceylan, Phật-giáo còn đứng-đăng lắm, sự trật-tự của nhà tăng vẫn còn như hồi Phật Thích-Ca, chớ không bày-bố ra phiền-phức chút nào. Nhà tăng còn giữ theo lệ xưa, không ham phú-quí, chỉ ngồi trong lều cỏ mà tụng đạo, đọc kinh, và dâng hoa-quả cho Phật. Họ giữ theo chủ-nghĩa từ-bi độ-thế, hay dạy đoàn-trẻ chung-quanh. Họ biết chịu nhịn ăn những kỳ tướng-đạo. Họ cũng thờ Phật Di-Lạc nữa. Trong chùa không có cúng-tế lằng-xằng. Họ cứ coi mình là nhà tăng trong-sạch, chớ không màng tranh chức-phận nhà sư. Các thầy tăng đều đồng đẳng-cấp với nhau, không ai lấn-lướt chê-đè ai. Họ chỉ trọng người mà được tăng-chúng tôn lên làm chủ các chùa, và kiên về tuổi-tác với đạo-lý thôi.

Ở đảo Ceylan, các nhà tăng không trộn-trạo chư Phật với thánh-thần, là một việc cao hơn ở nước Tàu và nước ta vậy.

Nhưng trong dân-gian, người ta thờ một ít vị thánh-thần thường ủng-hộ về gia-đình, và thờ một ít vị về đạo Bà-la-môn, nhưng là những người mộ Phật-giáo hơn hết, trọng Phật hơn các vị kia nhiều.

Các nhà sư biết việc ấy là trái với nhà Phật, nên cùng

nhau họ không để ý chút nào. Nhưng họ cũng để cho dân-gian thông-thả mà thờ, vì họ ngăn-căng không được những tục dị-đoan mà không dân-tộc nào tránh khỏi.

Về phần nước Xiêm và Miến-Điện cũng thờ chung Phật-giáo phái Tiểu-thừa như ở đảo Ceylan.

Xứ Cao mên lúc sau này có chinh đồn lại chút ít cho nhà Phật, nhưng Cao mên thọ ảnh-hưởng nhà Phật của Xiêm, cho nên nói Xiêm là nói chung luôn với Cao mên vậy.

Ở Xiêm và ở Miến-Điện, người ta chuyên về Phật-giáo cũng chính-đáng nghiêm-trang lắm, không kém gì ở đảo Ceylan bao nhiêu. Nhưng có điều khác hơn là người cũng thờ luôn quí-thần, và cũng kiên-sợ yêu-quái tinh-ma, chẳng qua là cái dấu-tích của đạo đức tự hồi tiền-cổ đến nay loài người thường sợ yêu-tinh mà cúng-tế, và cầu thần-thánh để cứu-mạng cho.

Ở Xiêm và Miến-Điện, hàng-phẩm trong nhà chùa khác hơn ở đảo Ceylan. Tăng-chúng chia nhau từng-hạng, từ dưới đếm lên rất nhiều chức-phận, nào là người mới vào tu, nào là nhà tăng, nhà sư, nào là chủ chùa, nào là chủ các chùa trong quận, trong tỉnh, cho đến chủ các chùa trong nước. Có một ít nhà tăng đem thân đi tầm đạo trên rừng núi, nhưng lâu lâu họ lại ra mà bày tỏ đạo-đức và tư-tướng của mình. Có năm bảy vị sai được tự-do ở ngoài, kẻ thì lập am-tự riêng, người thì làm thầy giáo dạy em-trẻ trong xóm làng.

Thường thường việc học-thức của em-trẻ đều giao cho nhà chùa. Mấy trẻ được vào chùa từ lúc tám tuổi, vừa học vừa tụng kinh và dâng hoa-quả cho Phật. Có nhiều chùa nghiêm-nhiên là những trường trung-học, trẻ-nhỏ khi ra ngoài thành hạng thiếu niên hoàn-toàn với trung-học, và đạo-đức vậy. Ở Xiêm và ở Cao-mên, phong-tục của người làm cha-mẹ là giao em-trẻ cho nhà chùa, con mặc đồ theo điệu tăng, trong một thời-kỳ ít nữa là ba tháng, từ 15 đến hai mươi tuổi. Tuy bảo con phải vào chùa, nhưng lúc quá kỳ thì tự-do cho con ra ngoài mà cưới-vợ làm-ăn hay là cho luôn ở tại chùa.

Phật giáo ở nước Nhật

Nước Nhật hoang-nghinh đạo Phật không mấy sớm, là bởi ở xa nên phải nhờ lấy ảnh-hưởng nước Tàu. Sử ghi rằng đạo Phật truyền vào nước Nhật vào thế-kỷ thứ sáu, vua Tàu phái sứ đem kinh và tượng qua. Ban đầu tăng-đồ bị bắt-đãi lắm, phái Thần-giáo phần đông là quan-chức và nhà quý-tộc, họ kích-bất dữ-dội, làm cho đạo Phật không thịnh được. Mãi đến thế-kỷ thứ chín, Phật giáo mới được phát ở nước Nhật, và được chánh-phủ nhận cho dân. Trong thời-kỷ trước đời phong-kiến, nhà tăng bên Nhật rất mạnh-mẽ đối với tình-hình trong nước. Lúc ấy, có một ít bọn sứ-quân ý quyền-thế, muốn sáng ngôi, thừa một hai dịp may, bèn đem vua xuống mà tôn người khác lên, thường khi tự-tôn mình, rồi đem vua vào chùa, bắt vua cạo-đầu mà theo đạo từ-bi. Phái nhà tăng họ cũng không vờ gì, họ cũng làm quốc-sự, cũng dự vào việc nước, có khi cũng đem binh trợ-tiếp nhà vua đồng-đạo mà bị chúng đoạt-ngôi. Họ kéo đến vây thành bọn sứ-quân, đánh cang với bọn kia, cho đến đạt được ý-nguyện mới nghe cho. Cũng nhờ các nhà tăng mà trong thế-kỷ 13, phế-đế Gô-đãi-gô-ten-nô được trở lên ngôi báu mà cai-trị nước Nhật vậy.

Kể qua thế-kỷ 16, nhà vua là về phái thần-đạo, bọn sứ-quân không thích, muốn phế vua đi. Họ bèn đi bàn tính với các nhà tăng, trọng-đãi và hẹn cộng-sự với nhà chùa, kỳ này họ nhờ nhà tăng tán-thành mà được việc. Lúc bấy giờ phái nhà Phật ở nước Nhật thịnh-hành và mạnh mẽ đến cực-diểm.

Nước Nhật bởi noi theo nước Tàu mà thờ đạo Phật cho nên Phật-giáo ở bên Nhật giống-hệt với Phật-giáo bên Tàu. Nhưng có một chỗ khác nho-nhỏ là tăng chúng bên Nhật trong đạo từ-bi mà không bỏ chủ-nghĩa quốc-gia, nên họ vừa lo lấy nước-nhà trong phần muôn một.

Cũng đồng một đạo, nhà tăng chúng bên Tàu thì dị đoan mê-tin lắm, xu-hướng về bùa-chú phép-phù để dục lợi cho mình. Còn bên Nhật thì nhà sư tránh mấy ngón ấy nó làm cho giảm cái thanh-danh của đạo-lý. Lại còn một chỗ khá hơn bên Tàu, là thay vì chịu đốt-nát như mấy nhà hòa-thượng Chết kia, người ta vừa lo đạo-đức, về

khảo về học-thuật văn-chương, và nhất là họ tìm cho hiểu-thông kinh-kệ.

Sự cúng Phật bên Nhật thật lấy làm rình-rang lắm, công cuộc tế-lễ rất to lớn nghiêm-trang, trông vào biết là một dân-tộc rất kính-trọng và thành-tâm với nhà Phật.

Những lúc ấy thì trong chùa sắp-đặt rất chỉnh-tề, đồ-đặt có hàng-ngủ, các bàn thờ, các tượng-Phật chưng dọn như thật ở cảnh Bồ-đề, trông vào lấy làm khiếp-nể. Còn chùa thì to-lớn, kiểu lối khéo-xảo, cách chạm trổ tài-tinh. Trước chùa thì kiền-vật có hàng-ngủ, có người săn-sóc kỹ-cang và uống-sữa ra các thứ hình rất đẹp, cảnh chùa trông ra thấy tráng-lệ vô cùng, còn chung-quanh là những cụm-cây với những am nho-nhỏ chói-đỏ với những tượng thếp-vàng, gần đó là nhà ngôi-nghi của mỗi vị tăng.

Bên Nhật người ta khéo sắp đặt làm cho đạo-đức thêm thuần, chúng-sinh được vui mắt mà thích-hạp với tinh-thần.

Mấy chùa lớn có một vị sư-trưởng, với nhiều nhà sư có chức phận, nhiều tăng-chúng và nhiều bọn mới xuất-gia. Chùa càng lớn thì tăng chúng càng nhiều. Mỗi chùa đều có nhà trường để dạy-dỗ cho đoàn-em. Chùa nhỏ thì có vài ba vị-tăng, là ở về miệt nhà-quê, tăng-chúng không ở chung-chạ với nhơn-dân, họ không tự ở riêng, đều ở tại chùa. Mỗi khi có các việc tế-lễ thì nhơn-dân đến chùa nhờ lấy nhà tăng đọc kinh-kệ cho, hoặc rửa-tội, hoặc cầu phúc, hoặc tế-tự trong nhà. Mấy nhà chùa lớn thì có huê-lợi để cúng Phật và sửa chùa, nhơn-dân tuy thích mà cũng vào ích-nhiều, có khi chánh-phủ cũng trợ-cấp cho. Ở Nhật-Bồn hiện nay đạo Phật vẫn còn mạnh. Ngày xưa Thần-đạo có nhiều tăng-đồ hơn hết, là tôn-giáo chung của nhơn-dân. Bây giờ Phật-giáo có tin-đồ đông hơn hết, dân số lối 35 triệu mà thiện-nam tin-nữ với các nhà tăng choán trên 20 triệu, còn trên mười mấy triệu là về phái Thần-giáo. Lúc trước có nhiều nhà truyền-đạo Gia-tô sang Nhật để khuyến đạo, nhưng cả nước không mấy ai theo. Có một ít người theo đạo Gia-tô, nhưng họ chỉ mượn cănh mà khảo-xét cho hiểu rõ nghĩa-lý thôi, trong một ít lâu thì họ lại tháo ra mà hoang-nghinh Phật-giáo hay là Thần-giáo vậy.



**Nước Nhựt hoang-nghinh đạo Phật
là noi theo nước Tàu, đạo Phật tự bên Tàu
truyền sang. Đây là hình Phật ở nhiều chùa
bên Nhựt mà vẫn có bên Tàu và bên Tây-Tạn vậy.**

Phật-giáo ở nước ta

Nước Việt-Nam ta ngày xưa ở dưới quyền cai-trị của người Tàu cả ngàn năm. Bấy giờ nước ta tựa-hồ như một tỉnh rộng của nước Tàu về phía Nam. Phong-tục, mỹ-thuật, văn-học cho đến đạo-đức và tin-ngưỡng cũng giống-hệch như Tàu. Đến khi nước Tàu nhận đạo Phật làm một nền tôn-giáo chung cho nhân dân, thì nước mình cũng thọ luôn Phật-giáo bởi người Tàu truyền qua. Vua nước mình phái-sứ qua Tàu thỉnh-kinh Phật đem về, bèn lập ra thư-viện về đạo Phật, và chép kinh ra mà truyền-bá cho nhân-dân. Kể từ thế-kỷ thứ chín, thì nước mình đã có nhiều kinh-sách về Phật-học rồi, mỗi chuyến sứ bèn Tàu về đều có đem kinh rất nhiều.

Nhưng đến thế kỷ thứ mười ba, nước mình phải một lần dân Mông-cổ cướp-phá, chúng nó bèn đốt cả lầu-dài thư-viện, kỳ ấy kinh-sách đều cháy mất hết. Trong xứ thiếu kinh, vua bèn cho sứ qua Tàu thỉnh lại mà thế vào.

Đạo Phật thanh nhứt ở nước ta là về đời nhà Trần. Năm 1292, vua Nhân-Tông bỏ ngôi mà vào chùa, Ngài là người trước hết chuyên về phái « trúc-lâm » tự mình lấy máu mà viết thành hai chục pho kinh.

Kể đến năm 1314, vua Anh-Tông cũng lánh ngôi vua mà tầm đạo. Ngài cũng chít máu trên đầu ngón tay mà viết được hai mươi cuốn kinh. Hoàng-thái-Hậu với các cung-phi, mỗi người cũng lấy máu mình mà viết trọn một tạng-kinh là 5.000 chương.

Cũng năm ấy, vua Minh-Tông lên ngôi, đúc ba tượng Phật rất to-lớn, lập nhiều cảnh chùa, có chùa có đến vài sải vừa vài lá 15.000 người; vua in kinh mà phát ra cho chúng-dân.

Những gương dịch-đáng về đời nhà Trần chứng rằng nước ta rất mộ đạo, và ở thế-kỷ 13, 14 thì đạo Phật thanh-phát vô cùng.

Ngày nay tình-hình nhà Phật ở nước ta như ở nước Tàu, trong chùa chẳng những người ta thờ Phật, mà lại còn thờ nhiều vị thánh-thần. Vì không hiểu đạo mà Phật-

giáo với Lão-giáo rất thân-mật nhau. Còn thiện-nam tín-nữ lại càng không hiểu hơn, tuy là mộ-đạo Phật, mà cùng nhau đều kiền-sợ và thờ-phượng những hung-thần ác quỷ luôn.

Trong các chùa, không chùa nào được có kinh-sách nhiều. Nhà sư càng ngày càng thêm dốt-nát, biết niệm-kinh mà không hiểu nghĩa, còn thẩu-đảo văn-chương nhà Phật thì không mấy người.

Hiện nay trong nhiều chùa, có những quyền-kinh sau này.

Diệu pháp liên-hoa-kinh hay là kinh Phổ-môn.

Phật thuyết A-di-đà kinh.

Kinh Truyền-môn.

Địa-tạng bồ-tát bồn nguyện.

Chẳng những dân-chúng lăm-lạt thêm ra, cho đến nhà tăng cũng không tránh khỏi những điều trật-sái nữa. Ngày xưa nhà tăng không phải là người đi dọc kính mướn, làm việc mướn cho người. Ngày nay bắt câu là cuộc tế-lễ gì, mọi người đều cậy đến, mà không một vị tăng nào từ đi. Sự cao-thượng của nhà sư tăng hay nhà bụt ngày một thấp-thường. Mấy nhà sư có chức-phận như hạng kiết-ma, hòa-thượng thì ở riêng tại chùa, không lộn-xộn với dân-gian, nhưng số này không bao nhiêu. Còn phần đông là bọn sãi có vợ con, chung-chạ với chợ búa xóm làng, chính là cả trăm ngàn « thầy chùa bông » vậy. Bọn này làm đủ việc, đủ đám, có khi còn dùng đến bùa-chú phép-phù. Bởi nhà tăng thấp-thường là số đông, không hiểu nghĩa-vụ cao-thượng của mình, cho nên phái nhà nho lấy làm miệt-thị, rồi ra Khổng-giáo với Phật-giáo không thích nhau bao nhiêu lại còn ố-kị là khác nữa.

Nhưng may ra nhiều chùa còn có người hiểu đạo-lý và giỏi văn-chương, thường viết kinh dịch sách để dắt-dẫn cho bọn sãi mới vào và dạy dỗ cho những vài hầy còn thiếu chữ.

Có một điều tốt là sự thâm-trầm của đạo Phật ảnh-hưởng đến hạng ngu-dốt tối-tâm. Dầu rằng không hiểu đạo-lý, không biết kinh-sách, nhưng bao người rất sốt-sắng và có tâm với nhà Phật, Bao người đem mình gởi vào cửa

không, chẳng còn lụy với việc trần, tâm-trí liền đổi hẳn ngay, mới hôm qua hung-ác, ngày nay hiền-lành, mới hôm qua tham-lam, ngày nay thảo-thuận. Bao người mới hôm qua biếng-nhác ăn-chơi, ngày nay vừa mới bước chơn vào chùa bèn làm những công chuyện nặng nề hết ngày thâu đêm mà rất vui lòng. Bao người dầu không biết chữ kinh, vẫn đọc thuộc lòng mà dầu canh năm đã bắt đầu nấu nước và tụng-kinh rất thỏa lòng. Một nền tôn-giáo từ-bi bác-ái không rủ ren quên-dù ai, lại tưởng như bat-đãi những kẻ mới đem mình vào gởi vào cửa Phật, trái với các đạo khác ở xứ mình. nào là các phần việc khó, nào là bắt dậy sớm thức khuya, nhưng mỗi người đều cố-gắng làm tròn phận-sự, há chẳng phải là sự thâm-trầm của nhà Phật sao ?

Trong chùa xứ mình, thấp nhỏ hơn hết là bọn dân lễ có bốn bậc, kể hạng tôn-chứng có bảy bậc, trên nữa là giáo-thọ, kiết-ma, trên hết là hòa-thượng.

Người ngoại-quốc đến xứ mình, lấy làm lạ mà thấy trên mặt nước rộng-lớn, từ Bắc đến Nam-kỳ, cả ngàn năm một nền đạo-đức không ai làm chủ, lại được thanh-hành mãi luôn. Lắm khi phải bọn nhà nho làm khó, chánh-phủ bơ-thờ, ở trên không ai chủ-trương, tự mình không theo phái nào, mà số thiện-nam tín-nữ không kém bớt chút nào, và số người có tâm-đạo không phải ít như ngày xưa. Chẳng riêng gì ở xứ mình, lại ngay như ở nhiều nước cõi Á-Châu, cũng đều giữ đạo bền chắc như vậy cả, làm cho người Âu-Mỹ lấy làm kiên. Ở Đông-Phương chỉ có nước Tây-Tạng, về phái Lạt-ma là được chánh-phủ tăng-trợ, còn bao nhiêu những nước khác, nhà chùa là do lòng trọng đạo của dân tăng-thành, mỗi chùa đều thông-thả, không phải dưới quyền ai, mà cả thầy tăng-chúng đều là anh-em, không ai cai-trị lấy ai.

Tuy học-thức của tăng-chúng có bề suy kém, trong đó còn có người hiểu đạo-lý cao-sâu và từ-thiện vô cùng. Ảnh-hưởng của mấy nhà-tăng ấy đối với nhân-tâm là lớn-lao vững-vàng. Có một ít vị hòa-thượng rất được lòng thiện-nam tín-nữ, đến lúc tự mình lên giảng-hóa thiêu

xát, hay là đến khi về cảnh Tây-phương, thì bọn đệ-tử khắp cả ba kỳ đều đến chật chùa. Lễ táng một vị hòa-thượng có đạo-đức còn vẻ-vang hơn đám xát của một nhà vua. Thiện-nam tín-nữ hằng ngàn hằng muôn đến đưa linh-cữu và khóc-kề như mất một người cha-mẹ trong nhà, lại cùng nhau đều bịt-khăn áo đê-tang, ra tuồng bi-ai thương tiết vô cùng.

Dầu tình-hình nhà Phật hiện-thời có khác với cảnh-thế nhà tăng hồi còn Phật-tổ Như-Lai, khác là vì quá bày-bố rình-rang, vì quá dị-đoan với phép-phủ, chớ cái chủ-nghĩa từ-bi cứu-khổ vẫn còn, nên phong-hóa thâm-trầm vẫn chặt, thì còn giúp cho chúng dân được thảo-thuận hiền lành. Hiện nay nhiều dân-tộc còn lấy phong-hóa nhà Phật về trộn-trạo làm phong-hóa của mình, nhiều nhà đạo-đức lấy đạo-lý của nhà Phật mà xen với đạo mình để truyền-bá trong dân-gian, thì xứ ta phương gì bỏ đạo lý và phong-hóa rất hiền-lương của nhà Phật mà theo những chủ-nghĩa mơ-hồ.

Theo mắt của thức-giả thì yển-sáng nhà Phật chưa hẳn đã lu-lờ, mà lại còn tỏ-rõ thêm ra ngày một cách vẻ-vang đich-dáng vậy.

Vẻ illustration, họa hình rất khéo,

các việc về sự vẻ-vời, có ông

CẨM-ĐÌNH LÊ-QUANG-TÌNH

Nº 50 C. Rue Duranton — Saigon

Là chuyên-môn rất đich-dáng.

Bề khổ sông mê

Tu là cội phúc,
Tinh là giấy oan.

Đoạn này tuy khảo về sự khổ với con người, nhưng có ăn-thiệp với chủ-nghĩa từ-bi cứu-nạn của nhà Phật.

Không cần đứng trong vòng đạo-đức thì ai cũng đều nhận rằng cái khổ là tự mình gây ra, tại tâm xao-xiểng rồi vì sự ham-mê mà thành ra lắm nỗi tang thương. Càng được càng tham, càng tham là càng khổ.

Trải qua lắm cơn nguy-khốn vì mình, con người mới biết nghĩ đến luật tự-nhiên của trời-đất mà sợ-sệt vô cùng, bèn vái lạy đủ đều.

Cao-thượng thay cho tín-đồ nhà Phật, gát mình ra khỏi vòng danh-lợi, cái tâm đã vững-chắc, con người an-lạc hòa-bình, bèn không màng đến chút bụi-trần. Chẳng những tự mình giữ sạch, lại còn đem đuốc từ-bi mà rọi sáng cho chúng-sinh khỏi sa vào nơi ngu-dốt tối-lâm, dắt ra khỏi đường lầm-lạt kia vậy.



BỀ KHỔ SÔNG MÈ

Khổ là gì, mà nghe người than-thở rất bi-ai, hết dậm đất rồi lại kêu trời, luống trách mình lười-thôi dang-dở. Cả trên năm châu bốn biển, từ những nước văn-minh chỉ những xứ tối-tàn hèn-yếu, trên mặt đất, trong gia-đình từ bậc giàu-sang đến người đói-khổ, trong những tâm-trí, hoặc cao, hoặc hèn thấy đều chất-chứa những nỗi khó-khăn khổ-não! Hay là khổ là luật tạo-hóa, luật chung của đời người, đâu-đâu cũng là khổ, không ai tránh khỏi cái luật của hóa-công.

Khổ là luật của hóa-công! Câu ấy nghĩ cũng lạ; những nhà kính oai-trời nói rằng: «Lẽ nào trời sanh ta ra lại làm cho ta khổ, thế chẳng trái hẳn với chơn-lý rồi! Xét ra thì thấy hóa-công bày sắp hoàn-mĩ vô cùng, tốt-đẹp vô cùng, như là người lịch, vật xinh, trắng trong gió mát, thật có lắm cái hứng-thú thâm-trầm. Trông ra xa thấy yển-sáng rạng-đông trên mặt-nước, thấy bóng thái-dương đỏ-đỏ hồng-hồng túa khắp thiên-thị thôn quê, thì ai dám bảo thợ trời về-vụng? Xem trong vườn thấy cảnh-hoa, mùi thơm bông đẹp, phớt-phơ dưới ngọn gió êm với bướm bay liệng gần bên, thì ai còn cho rằng không tốt-đẹp? Nghĩ trong thân đủ ngũ quan tinh-tinh, rất doan-trang vẹn-vẻ, thì còn chi mà kêu-gọi đấng Tạo-vật đặng than-phiền. Trời đã làm cho cả thấy đều được thuận-lúy sao lại làm cho cái khổ nó nảy ra cho loài người.

Cuộc đời là bề-khổ: khổ của trẻ mới vừa lọt-lòng mẹ thì đã «oa-oa», khổ của hạng thiếu-niên thất-vọng về công-danh duyên-nợ, khổ của bậc trưởng-thành gặp những cuộc tang-thương và những bước đường nguy-hiểm; khổ của kẻ tuổi già trải qua những đều lăm-lạt lúc xuân-xanh; khổ của thiếu phụ một mình dưới ngọn đèn xanh, nhớ bạn, khóc chồng; khổ của tên quân sắp chết giữa chiến-trường, xa vợ xa cha, lại chẳng dặng rửa hờn cho quê cha đất tổ; khổ của nhà chí-sĩ chẳng đạt được chí nguyện; khổ của lao-động không tìm được việc làm; khổ của kẻ cơ

bần áo không đủ mặc, cơm không đủ ăn, lại nuôi lấy bầy con loi-nhoi lít-nhít; khổ của binh-phu đương cầu trời xin dứt bệnh hoặc muốn thác cho rồi; khổ của người hiền lâm-nạn, kêu oan chẳng thấu cửa công; khổ của kẻ rừng-chí, chán đời, của kẻ lao-tâm nhọc-trí mà chẳng được thỏa-lòng.

Ngẫm đời người có lắm lúc vui-cười an-lạc, nhưng cuộc vui ngắn-ngỏi vô cùng, cái vui chưa dứt mà cái sầu nó đã lộ ra, cái khóc là phần nhiều, cái cười chỉ là phần ít, khóc là bấy, cười chỉ là ba vạy thôi. Ấy khóc là sự cố-nhiên thật tình của ta, là luật chung của tạo-hóa, nên chi hễ gặp cảnh khổ thì ta đành cam chịu cho qua. Nhưng cái khổ ở đâu mà đến cho ta? Ta có muốn khổ chẳng? Ta có bày nó ra chẳng? Có lẽ ta không muốn khổ mà ta cũng không bày nó ra mà làm gì, là bởi hễ ta nghe nói đến khổ thì ta đã sợ lắm rồi, ta toan trốn-tránh rồi! Hay là cái khổ ở lòng trời mà ra chẳng? Trải qua mấy mươi thế-kỷ, các nhà triết-học đã từng đem tư-tưởng muốn giải về cội-nguồn sự khổ, nhưng chưa giải được rõ-rệt hoàn-toàn.

Có nhiều hạn bão rằng hễ có người thì có khổ, cuộc đời có thì tự-nhiên cảnh-khổ phải có ngay, tựa-hồ như hễ có cây thì có bông và có trái vậy.

Ta không phải sanh ra trên quả địa-cầu dặng dề mà chịu khổ đau, vì ta sợ nó lắm, ta tránh nó mãi, ta đành chịu khổ là khi nào ta không còn biết nơi đâu mà lánh vạy thôi!

Vậy thì trời bày ra cái khổ hại ta chẳng? Có người nói rằng: Kia một bà mẹ mới sanh được một đứa con, hết sức lo-lắng cho con săn-sóc cho con, vừa hôn con vừa cười, ấy là mẹ thương con mà bảo-bọc cho con. Trông bà mẹ ấy rồi lại trông lên trời mà nói một mình rằng: « Một bà mẹ kia còn biết thương con, mến con, huống chi trời đã sanh ta ra, mà lại không thương ta hay sao? Bởi Trời là đấng cha-mẹ của ta, hằng bảo-bọc cho ta, nên ta mới có gạo mà ăn, có khí mà thở, có hoa-quả mà dùng, chớ có đâu đã sanh ta rồi lại muốn đặt ra những lối chông-gai mà ngăn-trở, mà làm cho ta đau khổ! »

Thế thì cái khổ ở đâu mà ra vậy? Cụ Nguyễn-Du có nói rằng; « Phúc-họa đạo Trời, cội-nguồn cũng ở lòng người mà ra. » Ấy vậy họa-phúc là kết-cuộc của ta, ta ngay thẳng thì được phúc, còn ta ác-tâm thì vương họa, nên cái họa cũng dễ mà trừng-trị tội-lỗi của ta làm.

Khi hai đấng cha-mẹ của cả thế-gian mới sanh ra xuống cõi-trần, thì chưa biết khổ là gì, cái khóc của bà chẳng phải là cái khóc đời bây giờ, thương mà khóc, vui mà khóc, chớ nào phải khóc như ta ngày nay, còn ông thì làm việc một cách rất dễ-dàng êm-ái, chớ nào phải làm việc cực-khổ như ta bây giờ. Kể đến trời hiện xuống mà bảo rằng : « Này con, cha khuyên con chớ ăn trái này, nếu con vâng theo cha thì con thương cha và cha sẽ tin lòng con, vả lại trái này có độc, nếu con ăn nó vào thì con chết đấy. »

Ông và bà không tin, cho nên bà xúi ông ăn vào. Thế thì ông làm lếu rồi ! Vừa đó cái kết quả và cái trừng-trị nó ứng lên mà bắt người tội-nhơn, cho nên cái khổ nó bắt từ đây mà nảy sanh ra vậy. Ngày nay cái khổ nó đã thành luật rồi, ta phải cam chịu cái luật ấy. Vậy thì ta hãy tuân theo đạo Trời, hầu đặng mong tránh khỏi những điều đau-khổ, ta sở-di mang tai-họa là vì ta phạm tội mà không xử tròn bổn-phận làm người.

Lão-giáo và Phật-giáo cũng có chỉ rõ cội nguồn của các điều tai-họa mà dạy người xa lánh. Lão-tử thì khuyên người không nên trái với lẽ tự-nhiên. Phải lấy nhân-ái, giản-dị và khiêm nhường mà đối-dãi với anh-em trong xã-hội đặng không tranh dành nhau, không ghét lẫn nhau, không lo lắng mà cũng không tham lam, kết-quả là được sung-sướng an-nhàn. Liệt-tử thì nói rằng : « Ta sở-di không được vui, là vì ta vương bốn cái lo, bốn điều muốn : muốn thọ, muốn danh, muốn tước, muốn giàu. Danh-lợi mà chi, phú-quí mà chi, đã sanh ra cạnh-tranh, oán-thù, tự-cao, tự-đắc, ý quyền, ý thế, rồi khi chết cũng thành một đồng xương tăn vậy ? »

Phật-giáo dạy rằng cuộc đời là sông mê bể khổ, sanh là khổ, đau là khổ, già là khổ, chết là khổ, mà gần với người mình không ưa hay là xa-cách người yêu-thương cũng là

khổ. Cái nguyên-thủy của sự khổ là do nơi đâu ? Chính là do bởi cái tánh khao-khát và ham muốn không bao giờ cho vừa. Muốn tiêu-trừ các điều khổ ấy tức phải có tín-ngưỡng, sự muốn, lời nói, hành động, việc sanh-nhai, cách cư-xử với đời, trí nhớ và tư-tưởng thấy đều thanh-cao và không chút chi nhớ-bợn.

Nếu ta dẫn được cái lòng ham muốn của ta, thì ta sẽ được tỉnh-tỉnh vui-vẻ luôn, ta sẽ gặp cảnh-ngộ cao-thượng luôn-luôn, chừng ấy ta không còn sầu-não chi nữa, không còn thăm-trách chi nữa, ta sẽ được thỏa-thích một cách thâm-trầm thanh-thú vậy.

Từ khi cái khổ nó phát hiện ra, cả trên mặt đất đâu đâu cũng đều rên-rỉ khóc-than; dân-tộc ta nước-nhà ta cũng thế, đã trải qua bao lần đau-bề rồi mà giọt nước mắt khổ-tâm kia hãy còn đầm-đia chan-chứa, động náo-nùng ai-oán kia hãy còn trách trể tạo chưa thôi. Ôi ! Cái khổ với sự sống, cái họa với cuộc đời thật rất thân-mật nhau và liên-hợp nhau lắm vậy.

Đã cho rằng họa chẳng phải tại trời, mà chính là bởi người đời gây nên, chính là cái kết-quả đau-đớn và hình phép trừng-trị để đổi thay tâm-trí người, nên tai-họa là một món thuốc để trị bệnh cho tâm-tánh, tinh-thần. Khi ta ở-ăn không vệ-sinh, đứng đi không cẩn-thận, làm việc quá sức-lực, quá thì giờ thì ta thường vương lấy bệnh, hoặc ngoại-cảm, hoặc nội-thương, ta liền rước lương-y đến mà cho thuốc ra thoa đắp trị thân-thể ta, hoặc trong, hoặc ngoài; còn khi ta lêu-lộng chơi-bời, gian-tham quỉ-quyet, đi phá hại người mà dục lợi cho mình, thấp thì dùng lối thấp, cao thì hại thế cao, chừng ấy ông thầy thuốc lương-tâm phải le lười lắc đầu mà chạy mất, không còn phương-pháp để giảm trừ, tức-nhiên ông lương-y tai-họa bưng-bả bước vào mà thuốc-men cho, nếu căn bệnh về tánh-tình ấy mà thuyết-giảm thì thầy tai-họa chậm-rãi ra đi, còn bệnh không dứt lần đi, cứ nặng-nề mãi thì sẽ bị bằng phương pháp nặng-nề, nhẹ bệnh thì thầy mừng, mà không nhẹ cho đến chừng kẻ mang bệnh tâm-

tánh có thác, thì ông lương-y về tinh-thần ấy có lẽ còn chưa chịu thôi !

Vậy thì sự khổ chẳng phải là không có ích cho ta.

Ta có nếm đến mùi-khổ thì mới biết nó bổ ích cho ta, nó tủa cái yên-sáng chói vào lương-tâm u-âm của ta. Trong gia-đình cho tới ngoài xã-hội, đâu đâu cũng đều xao-xác bốn chôn, ganh-ghét nhau, hại lẫn-nhau, không mấy ai còn biết đến gì là cao thượng về tinh-thần nữa.

Ôi ! đời người là đời tạm, chẳng khác luồng khói văng mây, mới ngó thấy đã thoáng qua, mà người cứ ham-mê mãi, tranh - danh mãi, lấy chức làm vinh, lấy giàu làm sướng, lấy thọ làm mừng, rồi gây ra mãi nào là tự-cao tự-đại, nào là thất-vọng chán đời, nào là đánh giết lung-tung, cướp-phá tung-bùng.

Cuộc đời là chỗ tạm, danh-dự lợi-quyền, giàu-sang phong-phú đều là của tạm, là phù-vân, chỉ dễ gặt-gẫm hại phá người thôi. Ông thần khổ làm cho người hồi tâm mà không còn ham-mê mấy điều tạm gọi nơi sông-mê bề-khổ kia nữa. Vì ham-mê mấy cái danh, phú, tước, thọ kia mà sa-dắm với đời, cho nó là chỗ vui-sướng nên không tưởng là giả dối chán đi, đời nó lại làm bề-khổ bến mê dặng bắt chìm-dắm nơi đó một cách gớm-ghê dữ-dội, rồi ra loài-người mới định trí tỉnh hồn mà trông lên các điều cao thật.

Ban đầu là một cái ham-mộ bất-thành, một cái vọng-tưởng tiêu-tan, một bàn tay buông xuôi, một tấm lòng lạnh-lẽo hững-hờ, một cái gia-thế suy đồi. Như vậy còn chưa hiểu thì cái khổ nó phạt thêm. Nó ằm một đứa bé trong nôi, đào một cái mộ bên nhà, rồi lần lần đủ số từng người trong gia-đình, sau lại quét sạch cả tông-môn. Đến chừng ấy người đã vướng lằm tai-họa hết phương thể vẫy-vùng, bề trầm-luân đã ngập tới cổ, ngang miệng rồi mới chịu ngược đầu mà trông lên, mà ước nguyện những cái hứng thú thanh-cao, những cái vui-sướng thâm-trầm, rồi ngó trở xuống thì sợ hoảng cả người.

Những bả danh-lợi kia, ngày xưa đeo-duối trong mấy mươi năm, những điều ham muốn mơ-hồ kia, ngày xưa

vọng-tưởng kêu cầu, những cuộc vui nhỏ-nhất kia ngày xưa cho nó là phước-lộc cao-sang, những của tạm gởi kia, nay tất-cả đều phơi cái mặt nạ ra thấy mà buồn cười.

Ấy vậy sự đau-khổ vừa hành-phạt ta, lại vừa làm cho sáng-rõ cả tinh-thần tỉnh-trí của ta vậy.

Sự khổ nó lại làm giảm-bớt của tính-khí tự-cao tự-trọng của ta đi. Người đời hễ gặp được cảnh-ngộ may mà hưng thịnh một vài phen thì thường cho mình là tài giỏi lắm rồi, nên dọc-ngang day-trở, chẳng còn biết trên đầu có ai. Liền đó cái họa cái khổ nó đến ngay, mà trừng-trị một cách nặng-nề. Rồi ra thì cái tâm tánh kia cứng-cỏi bao nhiêu lại mềm-mỏng bấy nhiêu, cái lòng dạ kia mới hôm rồi đây hãy còn tự-tôn tự-trọng, mà bây giờ lại qui lụy mà cầu xin, cái người dọc ngang kia hôm qua đâu có nhớ đến luật tạo-hóa, nay lại cho rằng khắp cả vũ-tru đâu đâu cũng nhờ trời phật bảo-bọc chở-che, nên kêu cầu mà rằng: «Trời ôi ! Nỡ hại tôi thế ! Xưa kia tôi đại mà lỗi lầm, bây giờ đã hối-hận rồi, tôi xin nguyện rằng không dám ác-tâm nữa, vì biết lưới trời bua khắp bốn phương không trông thoát khỏi...»

Như thế thì sự khổ đã giảm được tánh tự-cao, làm cho sáng rõ tâm-trí người, làm cho người giảm cái tánh tự-đại tự-cao lại còn làm cho người trở nên trong-sạch thanh-bai.

Người đời thường có lòng duy-kỷ, chỉ biết lo thương lấy thân, chớ không biết thương người. Lòng khao-khát không bao giờ đầy, càng được thì lại càng tham lắm. Lúc vì chực lòng tham mà đành gày nên nhiều cái thảm-trạng gớm-ghe nhưng nào có suy-xét, miễn thỏa-dạ là vui-sướng lắm rồi.

Nhứt là về bên dục-tính thì lòng ham-mộ nó phát-hiện ra một cách mạnh-mẽ vô cùng: thân-thể chỉ còn xác thịt chớ không có một chút tinh-thần, tánh-tình tốt đẹp thì đã lu-lờ đi rồi, lương-tâm đã u-âm tối-tâm, không còn biết biện-luận đều chánh đáng cùng sự ác-tà. Khí lực mềm-mụi không còn sức đề-chống ngăn; cho đến tim-phổi không còn vẽ chi là nữ-nang nữa. Cả thấy đều bị cái xác thịt kia

nó lẩn-lướt, phá-hủy đập nát đi rồi! Chẳng những là người như thế làm khổ-nhục cho gia-đình, làm tổn giọt nước mắt của cha-mẹ vợ-con, lại làm cho náo đến lòng trời hay là trái luật tự-nhiên. Cái họa nó phải ra tay lấy một đầu óc mới mà đổi-thay vào, lần-lần như vậy thì ngày kia kẻ tội-nhơn sẽ ghê-sợ mà chán đi, không còn đeo đuổi theo về phần xác, mà khuynh-hướng về những lỗi nhân-tử. Thế thì sự đau-khổ nó gọi sạch đầu-óc và tánh-tình ta vậy.

Chẳng những nó làm sáng rõ cả tâm-trí kẻ tội-nhơn nó lại còn sửa-dổi cho thành tâm-trí mới-mẻ vắn-vang, nó trao lại những tánh-chất quý-hóa đã mất tự bao giờ. Những công-cuộc như thế chẳng phải trong một hai ngày mà xong, mà cần phải cho sự đau khổ nó tái lại năm bảy phen thì mới hoàn-toàn được. Cái khổ tựa-hồ như mũ trong cây, làm cho lá tươi bông đẹp. Cái khổ nó phát hiện xuống trong một cái tâm-trí thì thấy sự ngay thật nó lộ ra mà theo đường đạo-dức.

Anh ôi! Trước khi khổ, anh đã làm được điều gì ích-đáng chưa. Lúc bấy giờ trên đời anh có biết ai khác hơn đâu; anh chỉ thương lấy anh thôi. Trước khi khổ, anh có lau chùi một giọt nước mắt nào chưa, trợ giúp một cảnh khốn nào chưa? Anh có đề ý rằng chung quanh nhà anh là kẻ bần-cùn bữa no bữa đói, kẻ tật-nguyên, không sở làm chẳng? Anh có tưởng rằng anh có một tổ-quốc, là nước Việt-Nam đương bị khổ-nhục chẳng? Mấy điều đó chắc hẳn rằng anh chưa được biết, là vì anh chưa hề than-khóc vậy. Về sau cái khổ, nó động đến lòng anh mà làm cho anh lấy giọt thương-tâm mà rưới trên những cảnh-ngộ nguy-cấp quanh mình. Anh chỉ chia buồn không thì chưa đủ, anh nên làm phải cho người.

Sự khổ bổ ích cho ta nhiều, nhưng nó khôi-phục cho ta những tánh tình tốt-đẹp khi xưa, nó lại còn nâng-cao ta lên, là nhờ nó mà ta ăn-ở giản-dị nhân-tử.

Mặt đất có phải là nơi vui sướng của ta chăng? Có phải là nơi có lắm cảnh dễ được thỏa-thích chăng? Không

toàn cả trên mặt đất đều là một cái bề thảm đó thôi; tiếng khóc, tiếng than, tiếng sầu, tiếng não đều rền-rĩ cả ngày. Ôi! Cõi trần là đời khổ, người trần phải chia một phần khổ với nhau. Khổ cho đến trông vật trông trăng, cũng có vẻ ầu-sầu như chứa-chang những giọt não-nê!

Nhưng ai dám chắc rằng cái khổ lại chẳng có lắm phương-pháp rất hay, để khuyên dỗ cho tâm hồn? Mùi trần làm cho tinh thần tâm-trí phải tối-tăm, u-ám, đau-khổ giải-thoát cho ta, làm cho ta được trông thấy thêm cao-rộng. Tánh tự-tôn tự-trọng nâng ta lên quá lẽ tự-nhiên sự đau-khổ để cái ố-nhục vào mà làm cho ta trở lại địa-vị xưa, chính là dứt đường lăm-lạt của ta vậy. Cái tính thích vui quá độ nó xô ta vào những thảm-trạng rất khổ-nguy, nào tiền-tải, nào danh-giá đều trôi theo cuộc vui đầy tháng, tràn cười thâu đêm; đau-khổ lại làm cho ta trong-sạch như xưa, tuồng như lấy một cái tâm-tánh mới mà thay vào. Những tội lỗi của ta đối với xã-hội và gia-đình làm cho ta mất cả cái hồn-phận làm người, cái đau khổ nó liền đến dạy cho ta biết lấy nhân-đạo mà ở đời...

Nhưng ở khắp nơi đều có người than-phiền rằng sao người hiền lại vướng họa, còn kẻ dữ hay được an-vui. Người hiền cũng gặp khổ, kẻ dữ cũng mang-tai, chẳng phải do bởi sự dữ hiền, mà chính là kẻ dữ với người hiền cũng đều là người, lẽ đồng làm người thì tức nhiên phải chịu khổ.

Cái khổ trên đời có khác chỉ những viên-đạn bay chỗ chiến-trường trúng ai thì nấy chịu. Đối với loài người thì cái khổ cũng thế, nó cũng như viên-đạn bắn ra, thường hại những tướng đi đầu. Những tướng đi đầu chính là kẻ ác, nên cái họa phải trừng-trị chúng nó một cách ghê-nặng-nề.

Vả lại sự đau-khổ vướng cho những người hiền chẳng phải là vô ích đâu, vì ta đã biết rằng nó khuyên dạy người. Đã sanh ra ở cõi trần thì có mấy ai thật hiền-lành cho toàn-vẹn. Ngoài ra những cảnh-ngộ nhờ ở-ăn có độ-lượng mà không lăm, nhờ có chút ít giá-trị nên không lẽ hành-

động theo hạng-thường-tinh, nhờ có tánh tự-cao nên không để ý vào những việc nhỏ-nhoi, nhờ bởi không thể làm hại nên mới trở nên hiền, và nhờ có cơ-hội nên mới dần được dục-tâm, ngoài ra những lối ấy thì tưởng không còn bao nhiêu đều đích-đáng mà gọi là đều lành. Thế nên người hiền cũng nên thọ khốn đặng bỏ lấy những chỗ khuyết-diểm trong lương-tâm mình.

CHÚNG TÔI ĐÃ XUẤT BẢN RỒI:

« Truyện Phật Thích-Ca » GIÁ 1\$10

« Du-lịch xứ Phật » GIÁ 0\$80

TIỆM MAY Y PHỤC

Có cái cắt, may rất khéo, đủ thứ laine, nỉ, giá
thiệt rẻ.

Bán áo mưa, áo lạnh, đàn ông, đàn bà.

Bán nón fêutres kiểu kim-thời hiệu Pipon faure
Lyon Grand Chic, v. v., buôn bán thiệt-thà, bán
lẻ và bán sỉ khắp lục-châu, theo cách lãnh-hóa giao
ngân, xin viết thư thương nghị.

TẶNG-KHÁNH-LONG

84, Bd. Bonnard, SAIGON

Saigon ———— Août 1930

MẤY LỜI TRÂN-TRỌNG

Chúng tôi sắp xuất bản cuốn "CHUYỆN PHẬT ĐỜI XUA" có nhiều tích rất hay lạ, GIÁ CHẮT 1\$00. Nếu ngài nào muốn xem thì nên viết thư dặn trước và đính theo 1\$00 bằng cò hay mandat, thì lúc gởi chúng tôi sẽ chịu tiền cước. Còn ngài nào muốn khỏi thất công nhiều lần thì nên gởi PROVISION trước năm, ba đồng, chúng tôi sẽ lần-lược gởi sách mỗi khi xuất-bản, tiền gởi về phần chúng tôi, ấy là làm theo các nhà xuất-bản sách ở Âu Châu vậy.

Hoặc ngài nào muốn chắt ý, khỏi nghi-ngại thì nên có thư dặn trước, rồi mỗi kỳ sách ra chúng tôi sẽ gởi contre-remboursement.

Nay kính

ĐOÀN-TRUNG-CỒN & C^{ie}

49 Rue Lareynière

Saigon

MỤC-LỤC

I Kiếp đoạn-trường (tiểu-thuyết)	1
II Đạo-lý nhà Phật (Mấy lời nói đầu)	21
Phật là gì ?	22
Niết-Bàn là gì ?	28
Sự cao-thượng của nhà Phật	30
Phong-hóa nhà Phật (răn cấm — nên làm)	37
III Phật-giáo ở Ấn-Độ	44
Đạo Phật bên Tây-Tạng	49
Phật-giáo ở nước Tàu	54
Phật-giáo ở Ceylan, Xiêm, Miến-Điện	59
Phật-giáo ở nước Nhật	61
Phật-giáo ở nước ta	64
IV Bể khổ sông mê	68

SÁCH SẮP XUẤT BẢN :

« Chuyện Phật đời xưa »

Hay lắm, ngộ lắm,

vừa giải-trí, vừa bồi ích

linh thần, vừa đẹp ý.

về văn - chương.